

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HS-ST

Ngày: 07-8-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Triến.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Thanh Tâm;

+ Ông Mai Tuấn Kiệt;

+ Ông Nguyễn Minh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Ông Hồ Thuận Hải, Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 và ngày 07 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2018/TLST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị N, sinh năm 1967, tại tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1940 và bà Nguyễn Thị A (đã chết); có chồng là Trần Văn R, sinh năm 1969; chưa có con; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự lần nào và chưa bị xử lý vi phạm hành chính lần nào; bị bắt tạm giam ngày 21-6-2018 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Quốc K, Luật sư - Văn phòng Luật sư V, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp M, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị D3, sinh năm 1949; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Bà Bùi Thị D4, sinh năm 1955; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

5. Bà Lê Thị D5, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

6. Bà Thân Thị D6, sinh năm 1950; cư trú tại: Ấp E, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

7. Chị Nguyễn Thị D7, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Ông Trần Văn D8, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

9. Anh Trần Văn D9, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

10. Ông Lê Văn D10, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

11. Ông Đặng Văn D11, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp H, xã H1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

12. Bà Đặng Thị D12, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp C, xã C1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

13. Bà Võ Thị D13, sinh năm 1950; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

14. Bà Lê Thị D14, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp Đ, xã Đ1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

15. Bà Phan Thị 15, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp H5, xã H1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

16. Bà Đặng Thị D16, sinh năm 1950; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

17. Bà Cao Kim D17, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

18. Bà Nguyễn Thị D18, sinh năm 1962; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

19. Bà Võ Thị Bích D19, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

20. Bà Võ Thị D20, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

21. Bà Nguyễn Thị D21, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

22. Ông Võ Văn D22, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

23. Bà Phạm Thị D23, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

24. Bà Nguyễn Thị D24, sinh năm 1962; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

25. Ông Lê Văn D25, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

26. Anh Nguyễn Văn D26, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

27. Bà Nguyễn Thị D27, sinh năm 1959; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

28. Chị Nguyễn Thị D28, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

29. Anh Phan Văn D29, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

30. Ông Nguyễn Văn D30, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

31. Bà Trần Thị D31, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

32. Ông Nguyễn Văn D32, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

33. Ông Nguyễn Tấn D33, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp E, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

34. Bà Phạm Thị D34, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

35. Ông Trần Văn D35, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

36. Bà Trần Thị D36, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp B1, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

37. Bà Nguyễn Thị D37, sinh năm 1952; cư trú tại: Ấp M, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

38. Bà Phạm Thị D38, sinh năm 1956; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

39. Bà Đinh Thị D39, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

40. Bà Lê Thị D40, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

41. Chị Đồng Thị Huyền D41, sinh năm 1986; chị Đồng Thị D41, sinh năm 1990; cùng cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

42. Bà Nguyễn Thị Thúy D42, sinh năm 1972; cư trú tại: Khu phố A1, thị trấn N3, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

43. Bà Nguyễn Thị D43 (đã chết). Người đại diện hợp pháp của bà D43 gồm:

- Anh Trần D44, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh;

- Anh Trần Văn D9, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh;

- Ông Trần Văn D43, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh;

- Bà Trần Thị D43, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh;

- Bà Trần Thị D43, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp M, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh;

- Bà Trần Thị D43, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp M, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh;

- Bà Trần Thị D43, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp K1, xã K2, huyện K3, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền của anh D43, ông D43, bà D43, bà D43, bà D43, bà D43: Anh Trần D44, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

44. Anh Trần D44, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

45. Chị Võ Thị D45, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

46. Bà Nguyễn Thị Ngọc D46, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

47. Ông Trần Văn D47, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

48. Ông Đỗ Văn D48, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

49. Bà Võ Thị D49, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

50. Bà Phạm Thị D50, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

51. Chị Lê Thị D51, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp H, xã H1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt

52. Ông Hồ Minh D52, sinh năm 1951; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3; vắng mặt.

53. Ông Nguyễn Phi D53, sinh năm 1967; cư trú tại: Khu phố K4, phường K5, thành phố K6, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

54. Ông Lê Văn D54, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp R1, xã H1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

55. Bà Phạm Thị D55, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

56. Anh Trần Văn D56, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

57. Anh Nguyễn Văn D57, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

58. Bà Lê Thị Kim D58, sinh năm 1956; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

59. Bà Nguyễn Thị D59, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

60. Bà Võ Thị D60, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

61. Bà Nguyễn Thị D61, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp R2, xã H1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

62. Bà Nguyễn Thị D62, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

63. Bà Nguyễn Thị D63, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

64. Bà Võ Thị D64, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

65. Bà Nguyễn Thị D65, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

66. Bà Đặng Thị D66, sinh năm 1948; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

67. Ông Lê Văn D67, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

68. Chị Trần Ngọc D68, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

69. Bà Nguyễn Thị D69, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

70. Ông Vũ Đức D70, sinh năm 1952; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

71. Chị Phạm Thị Lệ D71, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp R3, xã R4, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

72. Chị Phạm Thị Thúy D72, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp R5, xã H1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

73. Bà Phạm Thị D73, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

74. Chị Trương Thị Bạch D74, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

75. Bà Huỳnh Thị D75, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

76. Bà Nguyễn Thị D76, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp H2, xã H3, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

77. Bà Đồng Thị D77, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

78. Bà Võ Thị Minh D78, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

79. Bà Ngô Thị D79, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

80. Bà Nguyễn Thị D80, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

81. Ông Võ Văn D81, sinh năm 1954; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

82. Bà Nguyễn Hồng D82, sinh năm 1956; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

83. Bà Đặng Thị D83, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

84. Anh Phạm Văn D84, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp M, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

85. Bà Nguyễn Thị D85, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

86. Bà Nguyễn Thị D86, sinh năm 1948; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

87. Bà Lê Thị D87, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

88. Bà Đồng Thị D88, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

89. Chị Đồng Thị D89, sinh năm 1985; cư trú tại: Tổ 7, Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

90. Bà Trần Thị D90, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

91. Chị Trần Thị D91, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

92. Anh Huỳnh Văn D92, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

93. Bà Trần Liên D93, sinh năm 1962; cư trú tại: Khu phố L1, thị trấn N3, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có làm giấy ủy quyền đề ngày 07-8-2018

cho Nguyễn Thị D93 tham gia tổ tụng (không có xác nhận của chính quyền địa phương).

94. Bà Lê Thị D94, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

95. Bà Võ Thị D95, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

96. Bà Trần Thị Mỹ D96, sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

97. Chị Lê Thị Ngọc D97, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp L2, xã Lộc H1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

98. Bà Phạm Thị D98, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

99. Bà Lương Thị D99, sinh năm 1944; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

100. Ông Nguyễn Văn D100, sinh năm 1972; cư trú tại: Khu phố L3, thị trấn N3, huyện N3; vắng mặt.

101. Bà Mai Thị Kim D101, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

102. Bà Phạm Thị D102, sinh năm 1953; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

103. Ông Lê Trọng D103, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

104. Bà Phạm Thị D104, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

105. Ông Trần Văn D105, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

106. Chị Phạm Bích D106, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

107. Bà Trần Thị D107, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

108. Bà Đồng Thị D108, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

109. Bà Hà Thị D109, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

110. Bà Nguyễn Thị D110, sinh năm 1956; cư trú tại: Khu phố L3, thị trấn N3, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

111. Bà Huỳnh Thị D111, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp H2, xã Lộc H1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

112. Chị Nguyễn Thị D112 sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

113. Chị Nguyễn Thị Huyền D113, sinh năm 1982; cư trú tại: Khu phố L3, thị trấn N3, huyện N3, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện hợp pháp của chị Châu: Bà Đinh Thị D113, sinh năm 1960; cư trú tại: Tổ 24, Khu phố L3, thị trấn N3, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

114. Bà Phạm Thị D114, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp M, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

115. Ông Trần Văn D115, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

116. Bà Nguyễn Thị D116, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

117. Bà Nguyễn Thị D117, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

118. Chị Huỳnh Thị D118, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp M, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

119. Bà Phạm Thị D119, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

120. Chị Hồ Thị D120, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

121. Bà Đỗ Thị D121, sinh năm 1952; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

122. Chị Trần Thị Gái D122, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

123. Ông Trần Văn D123, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

124. Chị Phan Thị D124, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

125. Bà Phạm Thị D125, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

126. Ông Lê Thành D126, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

127. Bà Nguyễn Thị D127, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

128. Bà Đặng Thị D128, sinh năm 1951; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

129. Bà Võ Thị D129, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

130. Chị Trần Thị Tuyết D130, sinh năm 1980; cư trú tại: Khu phố L3, thị trấn N3, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt, có ông Nguyễn Văn D130, sinh

năm 1979 (là chồng chị D130) tham gia tổ tụng, theo Đơn xác nhận đề ngày 06-8-2018.

131. Chị Thái Thị Thu D131, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

132. Bà Võ Thị D132, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

133. Ông Lê Văn D133, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

134. Bà Võ Thị D134, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

135. Chị Huỳnh Thị D135, sinh năm 1990; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

136. Chị Huỳnh Thị D136, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp H2, xã Lộc H1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

137. Bà Nguyễn Thị D137, sinh năm 1958; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

138. Anh Đặng Văn D138, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

139. Bà Đoàn Thị Thúy D139, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

140. Bà Nguyễn Thị D140, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp M, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

141. Bà Trương Thị D141, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

142. Bà Trương Thị D142, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp H2, xã Lộc H1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; ủy quyền cho anh Nguyễn Thành D142, sinh năm 1989, cư trú tại: Ấp H3, xã H4, huyện H5, tỉnh Long An; tạm trú tại: Ấp H2, xã Lộc H1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh (theo giấy ủy quyền ngày 27-02-2017); có mặt.

143. Chị Lâm Thị Ngọc D143, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

144. Chị Lê Thị Kim D144, sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

145. Chị Trần Thị D145, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

146. Bà Lê Thị D146, sinh năm 1968; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

147. Bà Nguyễn Thị D147, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

148. Chị Huỳnh Kim D148, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

149. Bà Nguyễn Thị D149, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

150. Bà Võ Thị D150, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

151. Bà Nguyễn Thị D151, sinh năm 1957; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

152. Bà Trần Thị D152, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

153. Bà Nguyễn Thị D153, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

154. Bà Nguyễn Thị D154, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

155. Bà Nguyễn Thị D155, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

156. Bà Trần Thị Tuyết D156, sinh năm 1971; cư trú tại: Ấp B1, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

157. Chị Trần Thị D157, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

158. Anh Lê Tuấn D158, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

159. Bà Dương Thị D159, sinh năm 1955; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

160. Bà Phạm Thị D160, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp M, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

161. Bà Nguyễn Thị D161, sinh năm 1975; cư trú tại: Khu phố E1, thị trấn N3, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

162. Bà Võ Thị D162, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

163. Ông Nguyễn Văn D163, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

164. Anh Đồng Hữu D164, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

165. Bà Đinh Thị D165, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

166. Bà Võ Thị D166, sinh năm 1972; cư trú tại: Tổ 7, Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

167. Chị Nguyễn Thị Hồng D167, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp M, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

168. Ông Đồng Văn D168, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

169. Chị Lê Kim D169, sinh năm 1991; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

170. Bà Nguyễn Thị D170, sinh năm 1945; chị Nguyễn Thị D170, sinh năm 1977; cùng cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; bà D170 có mặt, chị D170 vắng mặt.

171. Bà Phan Thị D171, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

172. Ông Nguyễn Văn D172, sinh năm 1946; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

173. Bà Trần Thị D173, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp M, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

174. Bà Huỳnh Thị D174, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

175. Bà Phạm Thị D175, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp M, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; tạm trú tại: Khu phố Đ1, phường Đ2, thị xã Đ3, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

176. Chị Huỳnh Thị D176, sinh năm 1982; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

177. Chị Nguyễn Thị D177, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

178. Bà Trần Thị D178, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

179. Bà Nguyễn Thị D179, sinh năm 1950; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

180. Bà Võ Thị D180, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

181. Bà Trần Thị D181, sinh năm 1937; cư trú tại: Ấp H2, xã Lộc H1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

182. Bà Trần Thị D182, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp M1, xã M2, huyện M3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

183. Bà Nguyễn Thị D183, sinh năm 1954; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

184. Anh Nguyễn Văn D184, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

185. Bà Trần Thị D185, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

186. Ông Nguyễn Văn D186, sinh năm 1954; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

187. Bà Hà Thị D187, sinh năm 1945; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

188. Bà Lê Thị D188, sinh năm 1965; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

189. Bà Nguyễn Thị D189, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

190. Ông Huỳnh Văn D190, sinh năm 1954; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

191. Chị Kim Ngọc D191, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

192. Bà Nguyễn Thị Kim D192, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

193. Anh Huỳnh Công D193, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

194. Anh Nguyễn Minh D194, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

195. Bà Nguyễn Thị D195, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp M, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

196. Chị Trương Thị Thu D196, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

197. Bà Hồ Thị D197, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

198. Bà Nguyễn Thị D198, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp M4, xã H1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

199. Chị Nguyễn Thị D199, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

200. Bà Trần Thị D200, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

201. Bà Phạm Thị D201, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

202. Bà Nguyễn Thị Kim D202, sinh năm 1979; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

203. Bà Mai Thị Kim D203, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp M4, xã H1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

204. Chị Nguyễn Hồng D204, sinh năm 1987; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

205. Bà Phạm Thị D205, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

206. Anh Nguyễn Văn D206, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

207. Chị Trần Thị D207, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

208. Bà Nguyễn Thị G7D208, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

209. Bà Nguyễn Thị Hồng D209, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

210. Chị Trần Thị Kim D210, sinh năm 1986; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

211. Bà Đồng Thu D211, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

212. Bà Trần Thị D212, sinh năm 1959; cư trú tại: Ấp H2, xã Lộc H1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

213. Bà Lê Kim D213, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

214. Ông Võ Văn D214, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

215. Bà Trần Thị Mai D215, sinh năm 1976; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

216. Bà Đoàn Thị D216, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

217. Bà Ngụy Thị D217, sinh năm 1946; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

218. Chị Huỳnh Thị Ngọc D218, sinh năm 1983; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

219. Anh Trần Minh D219, sinh năm 1985; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

220. Chị Nguyễn Thị D220, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

221. Bà Nguyễn Thị D221, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp M1, xã M2, huyện M3, tỉnh Tây Ninh; tạm trú tại: Ấp 1, xã Xuân Thới Thượng, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

222. Bà Phạm Thị D222, sinh năm 1964; cư trú tại: Tổ 15, Ấp M, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

223. Bà Huỳnh Thị D223, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

224. Bà Huỳnh Thị D224, sinh năm 1963; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

225. Chị Phạm Thị D225, sinh năm 1984; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

226. Bà Nguyễn Thị Thu D226, sinh năm 1978; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

227. Chị Nguyễn Thị Cẩm D227, sinh năm 1980; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

228. Bà Nguyễn Thị D228, sinh năm 1960; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

229. Bà Nguyễn Thị D229, sinh năm 1962; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

230. Bà Nguyễn Thị D230, sinh năm 1954; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

231. Bà Lê Thị D231, sinh năm 1967; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

232. Bà Nguyễn Thị D232, sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp M1, xã M2, huyện M3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

233. Bà Phạm Thị D233, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

234. Ông Võ Văn D234, sinh năm 1964; cư trú tại: Ấp L, xã M1, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Trần Văn R (chồng bị cáo N), sinh năm 1969; cư trú tại: Ấp N1, xã N2, huyện N3, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2002, Nguyễn Thị N bắt đầu đứng ra tổ chức góp hội để hưởng hoa hồng. Đến năm 2012, nắm bắt tâm lý các hội viên thường nuôi hội, ít tham gia khai hội nên N dùng những thủ đoạn gian dối: Không đưa tên hội viên vào danh sách nhưng vẫn thu tiền hội; ghi tên những hội viên không có thật vào danh sách để lĩnh các phần hội này; tự ý lấy tên hội viên để lĩnh hội mà không được sự đồng ý của hội viên; thu hội không đúng số tiền khai hội để chiếm đoạt tiền của hội viên; sử dụng để mua bò, mua đất và tiêu xài cá nhân.

Đến tháng 4 năm 2014, do không còn khả năng đăng hội cho các hội viên nên N tuyên bố vỡ hội. Tại thời điểm vỡ hội, còn 42 dây hội đang hoạt động (trong đó có 02 dây hội 500.000 đồng/tháng và 40 dây hội 1.000.000 đồng/tháng). Căn cứ vào sổ hội của N, giấy hội có ghi chép tiền khai hội mỗi kỳ của các hội viên, thống kê được 33 dây/42 dây hội. Trong 33 dây hội, N đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối như đã nêu trên để chiếm đoạt tiền của các hội viên, tổng cộng **4.023.180.000** đồng, cụ thể như sau:

1. Hội 500.000 đồng/tháng, mở ngày 05-4-2012 (dương lịch), gồm có 02 dây:

- **Dây số 1:** Không có cơ sở để tính tiền chiếm đoạt.

- **Dây số 2:** Dây hụi có 27 phần, 18 hụi viên tham gia 25 phần; N không đưa vào danh sách 02 phần hụi của 02 hụi viên: Trần Văn D35 và Đặng Thị D66 nhưng vẫn thu tiền hụi, chiếm đoạt 14.380.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hụi khai được 24 kỳ, trong đó có 13 hụi viên thực lĩnh 17 phần, N tự ý lấy tên các hụi viên gồm: Trương Thị D142 (03 phần), Trần Minh D219 (01 phần), Lê Thị D94 (01 phần), Lâm Thị Ngọc G (01 phần), Phạm Thị D125 (01 phần), Võ Thị D20 (01 phần) để lĩnh 08 phần hụi tại các tháng 9-2012, 10-2012, 11-2012, 12-2012, 7-2013, 8-2013, 11-2013, chiếm đoạt 19.600.000 đồng.

Tổng cộng N chiếm đoạt **33.980.000** đồng của 10 lượt hụi viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **37.920.000** đồng.

2. Hụi 1.000.000 đồng/tháng (thống kê từ dây số 1 đến dây số 40)

2.1 Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05-3-2012 (dương lịch), gồm có 03 dây:

- **Dây số 1:** Dây hụi có 28 phần, có 19 hụi viên tham gia 27 phần, N không đưa vào danh sách 01 phần hụi của hụi viên Nguyễn Thị D147 nhưng vẫn thu tiền hụi, chiếm đoạt 15.660.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hụi khai được 26 kỳ, trong đó: 13 hụi viên thực lĩnh 17 phần, 10 phần hụi của 09 hụi viên chưa lĩnh hụi gồm: Trần Văn D105 (01 phần), Đồng Thị D41 (01 phần), Võ Thị D132 (01 phần), Nguyễn Thị D127 (01 phần), Võ Thị D13 (01 phần), Lê Thị G1 (02 phần), Nguyễn Thị D228 (01 phần), Kim Ngọc D191 (01 phần), Trương Thị D142 (01 phần); N tự ý lấy tên các hụi viên gồm: D105, D41, D132, D127, D13, G1 (02 phần), D191, D228 để lĩnh 09 phần hụi tại các tháng 4-2012, 6-2012, 9-2012, 11-2012, 12-2012, 5-2013, 6-2013, 7-2013, 10-2013; chiếm đoạt 60.400.000 đồng của 10 lượt hụi viên.

Tổng cộng N chiếm đoạt **76.060.000** đồng của 11 lượt hụi viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **95.200.000** đồng.

- **Dây số 2:** Dây hụi có 28 phần, 18 hụi viên tham gia 27 phần, N không đưa vào danh sách 01 phần hụi của hụi viên Phạm Thị D114 nhưng vẫn thu tiền hụi, chiếm đoạt 14.795.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hụi khai được 26 kỳ, trong đó: 14 hụi viên thực lĩnh 16 phần; 11 phần hụi của các hụi viên chưa lĩnh hụi gồm: Võ Thị D60 (02 phần), Trần Thị D107 (01 phần), Nguyễn Văn D30 (01 phần), Võ Văn D234 (01 phần), Trần Ngọc D68 (01 phần), Phạm Thị Lê D71 (01 phần), Đặng Thị D16 (01 phần), Trần Minh D219 (01 phần), Ngô Thị D79 (01 phần), Phan Thị 15 (01 phần); N tự ý lấy tên các hụi viên gồm: D60 (02 phần), D107, D30, D234, D68, D71, D16, D219, D79 để lĩnh 10 phần hụi tại các tháng 4-2012, 5-2012, 6-2012, 8-2012, 10-2012, 12-2012, 01-2013, 5-2013, 11-2013, 12-2013; chiếm đoạt số tiền 66.275.000 đồng của 11 lượt hụi viên.

Tổng cộng N chiếm đoạt 81.070.000 đồng của 12 lượt hụi viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự 94.070.000 đồng.

- **Dây số 3:** Dây hụi có 28 phần, 19 hụi viên tham gia 27 phần trong danh sách, N không đưa vào danh sách 01 phần hụi của hụi viên Lê Văn D54 nhưng vẫn thu tiền hụi, chiếm đoạt 14.235.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hụi khai được 26 kỳ, trong đó: có 13 hụi viên thực lĩnh 17 phần; 10 phần hụi của các hụi viên chưa lĩnh hụi gồm: Nguyễn Thị D177 (01 phần), Phan Thị D171 (02 phần), Nguyễn Văn D57 (01 phần), Phạm Thị D23 (01 phần), Lê Văn D67 (01 phần), Huỳnh Thị D136 (01 phần), Lâm Thị Ngọc D143 (01 phần), Nguyễn Thị D228 (01 phần), Trương Thị D142 (01 phần); N tự ý lấy tên các hụi viên gồm: D177, D171 (02 phần), D57, D23, D67, D136, D143, D228 để lĩnh 09 phần hụi tại các tháng 5-2012, 6-2012, 7-2012, 8-2012, 10-2012, 11-2012, 12-2012, 01-2013, 4-2014; chiếm đoạt 56.400.000 đồng của 10 lượt hụi viên.

Tổng cộng N chiếm đoạt **70.635.000** đồng của 11 lượt hụi viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **87.150.000** đồng.

2.2 Dây hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05-6-2012 (dương lịch), gồm có 02 dây:

- **Dây số 4:** Dây hụi có 30 phần, có 23 hụi viên tham gia 28 phần trong danh sách, N không đưa vào danh sách 02 phần hụi của 02 hụi viên Đặng Thị D66 và Đồng Thị D88 nhưng vẫn thu tiền hụi, chiếm đoạt 24.200.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hụi khai được 23 kỳ, trong đó: có 09 hụi viên thực lĩnh 11 phần, 17 phần hụi của các hụi viên chưa lĩnh hụi gồm: Cao Kim D17 (01 phần), Nguyễn Thị D179 (01 phần), Nguyễn Thị D116 (01 phần), Võ Thị D132 (01 phần), Mai Thị Kim D101 (01 phần), Nguyễn Thị D127 (01 phần), Phạm Thị G2 (01 phần), Nguyễn Thị D110 (01 phần), Nguyễn Văn D186 (01 phần), Nguyễn Thị D170 (01 phần), Phạm Thị D222 (01 phần), Đặng Thị D128 (01 phần), Trương Thị D142 (01 phần), Trương Thị G5D74 (02 phần), Lê Trọng D103 (02 phần); N tự ý lấy tên các hụi viên: D17, D179, D116, D132, D101, D127, G2, D110, D186, D170, D222, D128 lĩnh 12 phần hụi tại các tháng 7-2012, 8-2012, 9-2012, 10-2012, 11-2012, 12-2012, 02-2013, 3-2013, 4-2013, 11-2013, 12-2013, 4-2014; chiếm đoạt 114.270.000 đồng của 17 lượt hụi viên.

Tổng cộng N chiếm đoạt **138.470.000** đồng của 19 lượt hụi viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **95.030.000** đồng.

- **Dây số 5:** Không có cơ sở tính tiền chiếm đoạt.

2.3 Hụi 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05-7-2012 (dương lịch), gồm có 02 dây:

- **Dây số 6:** Dây hụi có 32 phần, có 24 hụi viên tham gia 28 phần trong danh sách, N không đưa vào danh sách 04 phần hụi của 03 hụi viên gồm: Lê Trọng D103, Nguyễn Thị D27, Phạm Thị D125 nhưng vẫn thu tiền hụi, chiếm đoạt 49.120.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hụi khai được 22 kỳ, trong đó: có 10 hụi viên thực lĩnh 11 phần hụi, 17 phần hụi của các hụi viên chưa lĩnh hụi gồm: Nguyễn Thị D195 (01 phần), Phan Thị D171 (01 phần), Nguyễn Thị D161 (01 phần), Lê Văn G3 (01 phần), Nguyễn Thị D85 (01 phần), Đoàn Thị Thúy D139 (01 phần), Ngô Thị D79 (01 phần), Nguyễn Văn D32 (01 phần), Trần Thị Gái D122 (01

phần), Lê Thị D5 (01 phần), Huỳnh Thị Ngọc D218 (01 phần), Nguyễn Thị D155 (01 phần), Nguyễn Thị D85 (01 phần), Đinh Thị D165 (01 phần), Trần Thị D36 (01 phần), Trần Thị D207 (01 phần), Nguyễn Thị D228 (01 phần); N tự ý lấy tên 11 hội viên gồm: D195, D171, D161, G3, D85, D139, D79, D32, Gái D122, D5, D218 để lĩnh 11 phần hội tại các tháng 11-2012, 12-2012, 02-2013, 3-2013, 5-2013, 6-2013, 7-2013, 8-2013, 10-2013, 11-2013, 12-2013; chiếm đoạt **109.310.000 đồng** của 17 lượt hội viên.

Tổng cộng N chiếm đoạt **158.430.000 đồng** của 21 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **101.350.000 đồng**.

- **Dây số 7:** Dây hội gồm 30 phần, có 23 hội viên tham gia 28 phần trong danh sách, N không đưa vào danh sách 02 phần hội của hội viên Lê Trọng D103 nhưng vẫn thu tiền hội, chiếm đoạt 23.440.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 22 kỳ, trong đó: có 05 hội viên thực lĩnh 06 phần hội, 22 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Ngô Thị D79 (01 phần), Nguyễn Thị D59 (01 phần), Huỳnh Thị D224 (02 phần), Trần Thị D36 (02 phần), Nguyễn Thị D155 (01 phần), Nguyễn Thị D161 (01 phần), Lê Văn G3 (01 phần), Lê Thị D5 (01 phần), Đoàn Thị Thúy D139 (01 phần), Nguyễn Thị D228 (01 phần), Trần Thị D173 (01 phần), Nguyễn Thị D177 (01 phần), Phạm Thị D55 (01 phần), Huỳnh Thị Ngọc D218 (01 phần), Nguyễn Thị D85 (01 phần), Lê Văn D25 (01 phần), Nguyễn Văn D57 (01 phần), Phan Thị D171 (01 phần), Trần Thị D181 (01 phần), Trương Thị D142 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên gồm: D79, D59, D224, D36, D155, D161, G3, D5, D139, D228, D173, D177, D55, D57 để lĩnh 16 phần hội tại các tháng 9-2012, 10-2012, 11-2012, 12-2012, 01-2013, 02-2013, 3-2013, 4-2013, 5-2013, 6-2013, 7-2013, 8-2013, 9-2013, 11-2013, 12-2013, 01-2014; N đã chiếm đoạt 201.300.000 đồng của 22 lượt hội viên.

Tổng cộng N chiếm đoạt **224.740.000 đồng** của 24 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **61.740.000 đồng**.

2.4 Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 02-9-2012 (dương lịch), gồm có 02 dây:

- **Dây số 8:** Dây hội gồm 26 phần trong danh sách, có 25 hội viên tham gia. Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 20 kỳ, trong đó: có 05 hội viên thực lĩnh 06 phần, 20 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Nguyễn Thị Ngọc D46 (01 phần), Lê Văn D54 (01 phần), Huỳnh Thị D75 (01 phần), Trần Văn D56 (01 phần), Nguyễn Thị D61 (01 phần), Võ Thị D166 (01 phần), Trần Thị G4 (01 phần), Nguyễn Thị D170 (01 phần), Lê Thị Kim D58 (01 phần), Võ Văn D214 (01 phần), Lê Thị D231 (02 phần), Phạm Bích D106 (01 phần), Nguyễn Thị D61 (01 phần), Nguyễn Thị D86 (01 phần), Đồng Thị D88 (01 phần), Trương Thị D142 (01 phần), Đỗ Thị D121 (01 phần), Trần Thị D36 (02 phần), N tự ý lấy tên các hội viên gồm: D46, D54, D75, D56, D61, D166, G4, D170, D58, D214, D231, D106, D61, D86 để lĩnh 14 phần hội tại các tháng 10-2012, 11-2012, 12-2012, 01-2013, 02-2013, 3-2013, 4-2013, 5-2013, 6-2013, 8-2013, 01-2014, 02-2014, 3-2014, 4-2014; chiếm đoạt **164.000.000 đồng** của 20 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **66.000.000 đồng**.

- **Dây số 9:**

Dây hội gồm 27 phần, 25 hội viên tham gia 26 phần trong danh sách, N không đưa vào danh sách 01 phần hội của hội viên Trần Liên D93 nhưng vẫn thu tiền hội, chiếm đoạt 13.550.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 20 kỳ, trong đó: có 06 hội viên thực lĩnh 07 phần hội, 19 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Nguyễn Thị D149 (01 phần), Đồng Thị D108 (01 phần), Nguyễn Thị Ngọc D46 (01 phần), Nguyễn Thị D170 (01 phần), Lê Văn D54 (01 phần), Huỳnh Thị D75 (01 phần), Nguyễn Thị D61 (01 phần), Phạm Thị D222 (01 phần), Phạm Thị D160 (01 phần), Phan Thị D171 (01 phần), Huỳnh Văn D190 (01 phần), Võ Văn D214 (01 phần), Nguyễn Thị D228 (01 phần), Trần Thị Tuyết D156 (01 phần), Trần Thị D36 (01 phần), Phạm Bích D106 (01 phần), Trần Liên D93 (01 phần), Lê Thị Kim D58 (01 phần), Nguyễn Thị D86 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên gồm: D149, D108, D46, D170 (con Năm D170), D54, D75, D61, D222, D160, D171 (con chị D171), D190, D214, D228 để lĩnh 13 phần hội tại các tháng 10-2012, 11-2012, 12-2012, 01-2013, 3-2013, 4-2013, 6-2013, 7-2013, 10-2013, 11-2013, 02-2014, 3-2014, 4-2014; chiếm đoạt **163.185.000** đồng của 19 lượt hội viên.

Tổng cộng N chiếm đoạt **176.735.000** đồng của 20 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **91.865.000** đồng.

2.5 Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 02-11-2012 (dương lịch), gồm có 03 dây:

- Dây số 10:

Dây hội gồm 26 phần, có 21 hội viên tham gia 25 phần trong danh sách, N không đưa vào danh sách 01 phần hội của hội viên Phạm Thị D114 nhưng vẫn thu tiền hội, chiếm đoạt 10.430.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 18 kỳ, trong đó: Có 06 hội viên thực lĩnh 06 phần, 19 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Trương Thị G5D74 (02 phần), Nguyễn Thị D179 (01 phần), Trần Thị D207 (01 phần), Đồng Hữu D164 (01 phần), Đinh Thị D39 (01 phần), Đồng Thị D89 (01 phần), Nguyễn Thị D154 (01 phần), Lê Văn D10 (01 phần), Đặng Thị D16 (01 phần), Nguyễn Thị D61 (01 phần), Phạm Thị D125 (01 phần), Trần D44 (01 phần), Trương Thị D142 (03 phần), Lê Văn G3 (01 phần), Đinh Thị D39 (01 phần), Phạm Thị D102 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên gồm: D74, D179, D207, D164, D39, D89, D154, D10, D16, D61, D125, D44 để lĩnh 12 phần hội tại các tháng 12-2012, 01-2013, 02-2013, 4-2013, 5-2013, 6-2013, 7-2013, 11-2013, 12-2013, 01-2014, 02-2014, 4-2014; chiếm đoạt 129.440.000 đồng của 19 lượt hội viên còn sống.

Tổng cộng N chiếm đoạt **139.870.000** đồng của 20 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **65.930.000** đồng.

- Dây số 11:

Dây hội gồm 25 phần trong danh sách, có 18 hội viên tham gia. Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 18 kỳ, trong đó: có 04 hội viên thực lĩnh 04 phần, 21 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Nguyễn Thị Hồng D209 (01 phần), Huỳnh Thị D135 (01 phần), Trần Thị D91 (01 phần), Trần Thị D207

(01 phần), Đặng Thị D16 (01 phần), Trương Thị G5 (01 phần), Nguyễn Thị D179 (01 phần), Đinh Thị D39 (01 phần), Nguyễn Thị D154 (01 phần), Phạm Thị D125 (01 phần), Trần Thị Mỹ D96 (01 phần), Trần D44 (01 phần), Võ Thị D129 (01 phần), Lê Văn G3 (01 phần), Trương Thị D142 (03 phần), Trương Thị D74 (02 phần), Đinh Thị D165 (01 phần), Phạm Thị D102 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên gồm: D209, D91, D207, D16, G5, D179, D39, D154, D125, D96, D44, D129, G3 để lĩnh 14 phần hội tại các tháng 11-2012, 12-2012, 01-2013, 02-2013, 3-2013, 4-2013, 5-2013, 6-2013, 9-2013, 10-2013, 11-2013, 01-2014, 02-2014, 4-2014.

Tổng cộng N chiếm đoạt **170.300.000** đồng của 21 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **44.940.000** đồng.

- Dây số 12:

Dây hội gồm 25 phần trong danh sách, có 16 hội viên tham gia 24 phần, N tham gia 01 phần. Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 18 kỳ, trong đó: N thực lĩnh 01 phần, 02 hội viên thực lĩnh 02 phần hội, 22 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Lê Thị D188 (01 phần), Trương Thị D142 (05 phần), Nguyễn Thị D21 (01 phần), Trần Văn G6 (01 phần), Trần Thị D173 (01 phần), Trần Thị Mỹ D96 (02 phần), Trần Thị D91 (01 phần), Lâm Thị Ngọc D143 (03 phần), Nguyễn Thị D76 (01 phần), Huỳnh Thị D135 (01 phần), Phạm Thị D55 (01 phần), Lê Thị D188 (01 phần), Phạm Thị D34 (01 phần), Đinh Thị D165 (01 phần), Phạm Thị D55 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên gồm: D188, D142 (D142, 02 phần), D21, G6, D173, D96 (02 phần), D91, D143 (02 phần), D76, D135, D55, D188 để lĩnh 15 phần hội tại các tháng 12-2012, 01-2013, 02-2013, 3-2013, 4-2013, 5-2013, 6-2013, 7-2013, 10-2013, 11-2013, 12-2013, 01-2014, 02-2014, 3-2014, 4-2014; chiếm đoạt **186.740.000** đồng của 22 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **40.700.000** đồng.

2.6 Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05-12-2012 dương lịch, gồm 03 dây:

- Dây số 13:

Dây hội gồm 27 phần trong danh sách, có 22 hội viên tham gia. Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 17 kỳ, trong đó: Có 08 hội viên thực lĩnh 08 phần, 19 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Trần Thị D90 (01 phần), Hà Thị D187 (01 phần), Nguyễn Thị D229 (01 phần), Nguyễn Văn D206 (01 phần), Đặng Văn D11 (01 phần), Nguyễn Thị G7 (01 phần), Trần Thị Mỹ D96 (01 phần), Mai Thị Kim D101 (01 phần), Lê Thị Kim D144 (01 phần), Đỗ Thị D121 (02 phần), Võ Thị D129 (01 phần), Nguyễn Thị D198 (01 phần), Nguyễn Thị D85 (01 phần), Trương Thị D142 (04 phần); N tự ý lấy tên các hội viên gồm: D90, D187, D229, D206, D11, G7, D96, D101, D144 để lĩnh 09 phần hội tại các tháng 02-2013, 3-2013, 4-2013, 5-2013, 8-2013, 9-2013, 11-2013, 12-2013, 3-2014; chiếm đoạt **95.570.000** đồng của 19 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **80.840.000** đồng.

- Dây số 14: không có căn cứ tính tiền chiếm đoạt.

- Dây số 15:

Dây hội gồm 29 phần, N tham gia 01 phần, 22 hội viên tham gia 26 phần trong danh sách; N không đưa vào danh sách 02 phần hội của hội viên Trần Thị Kim D210 nhưng vẫn thu tiền hội, chiếm đoạt 19.140.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 17 kỳ, trong đó: N thực lĩnh 01 phần hội tại tháng 7-2013, 06 hội viên thực lĩnh 06 phần hội, 20 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Trần Thị Kim D210 (02 phần), Đồng Thị D89 (01 phần), Trần Thị D90 (01 phần), Trần Văn D115 (01 phần), Nguyễn Thị D208 (01 phần), Võ Thị D49 (01 phần), Võ Thị D132 (01 phần), Phạm Thị D104 (01 phần), Lê Tuấn D158 (01 phần), Nguyễn Thị D85 (01 phần), Đặng Văn D11 (01 phần), Trương Thị D142 (05 phần), Nguyễn Thị D110 (01 phần), Kim Ngọc D191 (01 phần), Mai Thị Kim D101 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên gồm: D210 (02 phần), D89, D90, D115, D208, D49, D132, D104, D158 để lĩnh 10 phần hội tại các tháng 01-2013, 5-2013, 8-2013, 9-2013, 10-2013, 11-2013, 12-2013, 01-2014, 02-2014, 3-2014; chiếm đoạt 106.800.000 đồng của 20 lượt hội viên.

Tổng cộng N chiếm đoạt **125.940.000** đồng của 22 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **83.000.000** đồng.

2.7 Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 02-3-2013 (dương lịch), gồm 04 dây:

- Dây số 16:

Dây hội gồm 32 phần, có 24 hội viên tham gia 28 phần trong danh sách, N không đưa vào danh sách 04 phần hội của 03 hội viên gồm: Nguyễn Minh D194 (02 phần), Phạm Bích D106 (01 phần), Nguyễn Thị Kim D202 (01 phần) nhưng vẫn thu tiền hội, chiếm đoạt 30.960.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 14 kỳ, trong đó: Có 02 hội viên thực lĩnh 02 phần hội, 26 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Nguyễn Thị D1 (01 phần), Nguyễn Thị Thu D226 (01 phần), Phạm Thị D205 (01 phần), Trần Thị Mai D215 (01 phần), Nguyễn Thị D137 (01 phần), Lâm Thị Ngọc D143 (01 phần), Dương Thị D159 (01 phần), Kim Ngọc D191 (02 phần), Nguyễn Thị D28 (01 phần), Võ Thị D49 (01 phần), Nguyễn Thị D2 (01 phần), Nguyễn Thị D153 (01 phần), Lê Trọng D103 (01 phần), Nguyễn Thị Thúy D42 (01 phần), Lê Thị D94 (01 phần), Võ Thị D95 (01 phần), Đặng Thị D83 (01 phần), Trương Thị D142 (05 phần), Phạm Thị D225 (01 phần), Trần Văn D8 (01 phần), Nguyễn Hồng D204 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên gồm: D1, D226, D205, D215, D137, D143, D159, D191, D28, D49, D2, D28 để lĩnh 12 phần hội tại tháng 3-2013, 4-2013, 5-2013, 6-2013, 7-2013, 8-2013, 9-2013, 10-2013, 11-2013, 12-2013, 01-2014, 02-2014; chiếm đoạt 183.080.000 đồng của 26 lượt hội viên.

Tổng cộng N chiếm đoạt **214.000.000** đồng của 30 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **17.200.000** đồng.

- Dây số 17:

Dây hội gồm 28 phần trong danh sách, N tham gia 01 phần và 25 hội viên tham gia 27 phần. Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 14 kỳ, trong đó: N thực lĩnh 01 phần hội, có 02 hội viên thực lĩnh 02 phần hội, 25 phần hội của các

hội viên chưa lĩnh hội gồm: Trần Thị D181 (01 phần), Trần Thị Mai D215 (01 phần), Lâm Thị Ngọc D143 (01 phần), Nguyễn Thị D28 (01 phần), Võ Thị D49 (01 phần), Huỳnh Thị D174 (01 phần), Dương Thị D159 (01 phần), Thân Thị D6 (01 phần), Trần Thị Gái D122 (02 phần), Phạm Thị D50 (01 phần), Nguyễn Thị Kim D202 (01 phần), Lê Thị D94 (02 phần), Trần Thị D207 (01 phần), Nguyễn Thị Thu D226 (01 phần), Nguyễn Thị Thúy D42 (01 phần), Kim Ngọc D191 (01 phần), Trần Thị D90 (01 phần), Nguyễn Thị D137 (01 phần), Nguyễn Thị D65 (01 phần), Phạm Thị D225 (01 phần), Võ Thị D95 (01 phần), Nguyễn Hồng D204 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên gồm: D181, D215, D143, D28, D49, D174, D159, D6, D122, D50, D202 để lĩnh 11 phần hội tại các tháng 3-2013, 4-2013, 5-2013, 6-2013, 7-2013, 9-2013, 10-2013, 11-2013, 12-2013, 02-2014, 4-2014; chiếm đoạt **158.950.000** đồng của 25 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **35.500.000** đồng.

- Dây số 18:

Dây hội gồm 29 phần, có 23 hội viên tham gia 27 phần, 01 phần hội của hội viên không có thật trong danh sách, N không đưa vào danh sách 01 phần hội của hội viên Huỳnh Công D193 nhưng vẫn thu tiền hội, chiếm đoạt 8.350.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 14 kỳ, trong đó: Có 01 hội viên thực lĩnh 01 phần, 26 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Lê Thị D14 (01 phần), Nguyễn Minh D194 (01 phần), Huỳnh Văn D92 (01 phần), Phan Thị D124 (01 phần), Võ Thị D49 (01 phần), Nguyễn Tấn D33 (01 phần), Phạm Thị D175 (01 phần), Trần Thị D212 (01 phần), Lâm Thị Ngọc D143 (01 phần), Đồng Thị Huyền D41 (01 phần), Huỳnh Thị D224 (01 phần), Trần Thị D152 (01 phần), Lê Thị D40 (01 phần), Trương Thị D142 (05 phần), Trần Thị Gái D122 (01 phần), Nguyễn Thị D170 (01 phần), Lê Thị D94 (02 phần), Nguyễn Thị D28 (01 phần), Trần Thị D207 (01 phần), Nguyễn Hồng D204 (01 phần), Đặng Thị D12 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên gồm: D14, D194, D92, D124, D49, D33, D175, D212, D143, D41, D224, D152 để lĩnh 12 phần hội tại tháng 3-2013, 4-2013, 5-2013, 6-2013, 7-2013, 8-2013, 9-2013, 10-2013, 11-2013, 12-2013, 01-2014, 02-2014, 4-2014; chiếm đoạt 203.800.000 đồng của 26 lượt hội viên.

Tổng cộng N chiếm đoạt **212.150.000** đồng của 27 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **11.700.000** đồng.

- Dây số 19:

Dây hội gồm 32 phần, có 23 hội viên tham gia 28 phần trong danh sách, N không đưa vào danh sách 04 phần hội của 04 hội viên gồm: Đinh Thị D39, Phạm Thị D238, Lâm Thị Ngọc D143, Phạm Bích D106 nhưng vẫn thu tiền hội, chiếm đoạt 30.040.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 14 kỳ, trong đó: 02 hội viên thực lĩnh 02 phần, 26 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Trần Thị D145 (01 phần), Trần Thị Tuyết D156 (01 phần), Trần Thị D90 (01 phần), Lê Kim D213 (01 phần), Võ Thị D132 (01 phần), Nguyễn Thị D116 (01 phần), Nguyễn Thị D177 (01 phần), Đồng Thị D41 (01 phần), Nguyễn Thị D86 (01 phần), Trần Văn D123 (01 phần), Trần Thị D36 (01 phần), Nguyễn Thị D147 (01 phần),

Trương Thị D142 (05 phần), Phạm Thị D102 (01 phần), Lê Thị D146 (01 phần), Huỳnh Văn D190 (01 phần), Lê Thị D94 (01 phần), Lâm Thị G8 (01 phần), Phạm Thị D175 (01 phần), Bùi Thị D4 (01 phần), Nguyễn Thị D80 (01 phần), Kim Ngọc D191 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên: D145, D156, D90, D213, D132, D116, D177, D41, D86, D123, D36, D147 để lĩnh 12 phần hội tại các tháng: 4-2013, 5-2013, 6-2013, 7-2013, 8-2013, 9-2013, 10-2013, 11-2013, 01-2014, 02-2014, 3-2014, 4-2014; chiếm đoạt 166.190.000 đồng của 26 lượt hội viên.

Tổng cộng N chiếm đoạt **196.230.000** đồng của 30 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **31.070.000** đồng.

2.8 Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10-5-2013 (dương lịch), gồm 03 dây:

- Dây số 20:

Dây hội gồm 31 phần, có 21 hội viên tham gia 28 phần trong danh sách, N không đưa vào danh sách 03 phần hội của 03 hội viên: Nguyễn Văn D184, Lê Thị Ngọc D97, Nguyễn Thị D140 nhưng vẫn thu tiền hội, chiếm đoạt 18.070.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 12 kỳ, trong đó: có 02 hội viên thực lĩnh 02 phần hội, 26 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Trần Thị D178 (01 phần), Trần Thị D157 (01 phần), Phạm Thị D222 (02 phần), Nguyễn Thị Kim D192 (01 phần), Trần Thị D90 (01 phần), Nguyễn Thị D21 (01 phần), Đặng Thị D16 (01 phần), Trần Văn D8 (01 phần), Nguyễn Thị D229 (01 phần), Trương Thị D142 (04 phần), Nguyễn Thị D127 (01 phần), Mai Thị Kim D101 (02 phần), Phạm Thị D238 (01 phần), Đỗ Thị D121 (02 phần), Nguyễn Thị D85 (01 phần), Lê Thị D94 (01 phần), Nguyễn Văn D100 (01 phần), Lê Văn D10 (01 phần), Nguyễn Thị D147 (01 phần), Võ Thị D95 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên: D178, D157, D222 (02 phần), D192, D90, D21, D16, D8, D229 để lĩnh 10 phần hội tại các tháng: 5-2013, 6-2013, 7-2013, 8-2013, 9-2013, 10-2013, 11-2013, 01-2014, 3-2014, 4-2014; chiếm đoạt 142.740.000 đồng của 26 lượt hội viên.

Tổng cộng N chiếm đoạt **161.710.000** đồng của 29 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **23.400.000** đồng.

- Dây số 21:

Dây hội gồm 34 phần, có 22 hội viên tham gia 28 phần trong danh sách, N không đưa vào danh sách 06 phần hội của 06 hội viên gồm: Phạm Thị D3, Mai Thị Kim D101, Nguyễn Thị D155, Nguyễn Văn D184, Phạm Thị Thúy D72, Lê Thị Ngọc D97 nhưng vẫn thu tiền hội, chiếm đoạt 34.560.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 12 kỳ, trong đó: Có 04 hội viên thực lĩnh 04 phần hội, 24 phần hội của các hội viên chưa được lĩnh gồm: Đồng Hữu D164 (01 phần), Nguyễn Văn D186 (01 phần), Nguyễn Thị D237 (01 phần), Trần Văn D8 (02 phần), Phạm Thị D222 (01 phần), Nguyễn Thị D21 (01 phần), Nguyễn Thị D85 (01 phần), Lê Văn D10 (01 phần), Trương Thị D142 (04 phần), Phạm Văn D84 (01 phần), Phạm Thị D98 (01 phần), Nguyễn Thị D110 (01 phần), Võ Thị D95 (01 phần), Đặng Thị D16 (01 phần), Trần Thị D90

(01 phần), Đinh Thị D165 (01 phần), Đỗ Thị D121 (02 phần), Mai Thị Kim D101 (01 phần), Nguyễn Văn D57 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên gồm: D164, D186, D237, D8, D222, D21, D85, D10 để lĩnh 08 phần hội tại các tháng: 6-2013, 7-2013, 8-2013, 9-2013, 10-2013, 12-2013, 02-2014, 4-2014; chiếm đoạt 95.440.000 đồng của 24 lượt hội viên.

Tổng cộng N chiếm đoạt **130.000.000** đồng của 30 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **45.600.000** đồng.

- Dây số 22:

Dây hội gồm 33 phần, có 21 hội viên tham gia 28 phần trong danh sách, N không đưa vào danh sách 05 phần hội của 05 hội viên gồm: Nguyễn Thị D140, Nguyễn Văn D57, Nguyễn Thị Diệu, Lê Thị D94, Nguyễn Văn D184 nhưng vẫn thu tiền hội, chiếm đoạt 28.750.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 12 kỳ, trong đó: 03 hội viên thực lĩnh 04 phần hội, 24 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Đồng Thu D211 (01 phần), Trần Thị D91 (01 phần), Nguyễn Thị D110 (01 phần), Huỳnh Thị D174 (01 phần), Mai Thị Kim D101 (02 phần), Đỗ Thị D121 (01 phần), Trần Văn D56 (01 phần), Trần Thị D178 (01 phần), Trương Thị D142 (03 phần), Nguyễn Thị D183 (01 phần), Phạm Thị D175 (01 phần), Phạm Thị D98 (01 phần), Phạm Thị Thúy D72 (01 phần), Nguyễn Thị D85 (02 phần), Lê Thị D146 (01 phần), Nguyễn Thị D170 (02 phần), Nguyễn Văn D186 (01 phần), Nguyễn Thị D21 (01 phần), Đồng Thị D88 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên: D211, D91, D110, D174, D101, D121, D56, D178 để lĩnh 08 phần hội tại tháng: 5-2013, 6-2013, 7-2013, 8-2013, 9-2013, 10-2013, 3-2014, 4-2014; chiếm đoạt 96.240.000 đồng của 24 lượt hội viên.

Tổng cộng N chiếm đoạt **124.990.000** đồng của 29 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **43.200.000** đồng.

2.9 Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10-6-2013 (dương lịch), gồm 04 dây:

- Dây số 23:

Dây hội gồm 25 phần, N tham gia 01 phần và 21 hội viên tham gia 23 phần trong danh sách, N không đưa vào danh sách 01 phần hội của hội viên Võ Thị D60 nhưng vẫn thu tiền hội, chiếm đoạt 6.490.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 11 kỳ, trong đó: N thực lĩnh 01 phần hội, có 02 hội viên thực lĩnh 02 phần hội, 21 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Phạm Thị D73 (01 phần), Trần Thị D200 (01 phần), Nguyễn Văn D206 (01 phần), Nguyễn Thị D170 (01 phần), Đồng Thị D77 (01 phần), Trần Văn D9 (01 phần), Nguyễn Văn D32 (01 phần), Nguyễn Thị Bạch D208 (01 phần), Trần Văn D56 (01 phần), Nguyễn Thị D43 (01 phần), Nguyễn Thị Thu D226 (02 phần), Nguyễn Thị Thúy D42 (01 phần), Trương Thị D142 (01 phần), Trần Thị D43 (01 phần), Võ Thị D60 (01 phần), Nguyễn Thị D24 (01 phần), Phạm Thị D201 (01 phần), Trần Văn D9 (01 phần), Huỳnh Thị D118 (01 phần), Mai Thị Kim D101 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên: D73, D200, D206, D170, D77, D9, D32, D208 để lĩnh 08 phần hội tại các tháng: 6-2013, 7-

2013, 10-2013, 11-2013, 12-2013, 01-2014, 3-2014, 4-2014; chiếm đoạt 94.620.000 đồng của 21 lượt hội viên.

Tổng cộng N chiếm đoạt **101.110.000** đồng của 22 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **39.270.000** đồng.

- Dây số 24:

Dây hội gồm 24 phần trong danh sách: 01 phần hội của hội viên không có thật (N đã lĩnh hội tại tháng 10-2013), N tham gia 01 phần và 21 hội viên tham gia 22 phần hội. Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 11 kỳ, trong đó: N thực lĩnh 01 phần hội, 01 hội viên thực lĩnh 01 phần hội, 21 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Võ Thị D166 (01 phần), Phạm Thị D238 (01 phần), Đồng Thị D77 (01 phần), Đinh Thị D39 (01 phần), Lê Thành D126 (01 phần), Nguyễn Văn D32 (01 phần), Nguyễn Văn D57 (01 phần), Võ Thị D180 (01 phần), Đặng Văn D138 (01 phần), Nguyễn Thị Thu D226 (02 phần), Trần Văn D9 (02 phần), Phạm Thị D3 (01 phần), Đinh Thị D165 (01 phần), Mai Thị Kim D101 (01 phần), Trương Thị D142 (02 phần), Nguyễn Thị D170 (01 phần), Nguyễn Thị D24 (01 phần), Lê Thị D32 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên: D166, D238, D77, D39, D126, D32, D57, Duy, D180 để lĩnh 08 phần hội tại các tháng: 7-2013, 9-2013, 11-2013, 12-2013, 01-2014, 02-2014, 3-2014, 4-2014.

Tổng cộng N chiếm đoạt **105.540.000** đồng của 21 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **28.770.000** đồng.

- Dây số 25:

Dây hội gồm 24 phần trong danh sách: N tham gia 01 phần, 22 hội viên tham gia 23 phần. Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 11 kỳ, trong đó: N thực lĩnh 1 phần hội, 02 hội viên thực lĩnh 03 phần, 20 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Bùi Thị D4 (01 phần), Lê Thị D14 (01 phần), Phan Văn D239 (01 phần), Nguyễn Văn D32 (01 phần), Huỳnh Văn D92 (01 phần), Lê Thành D126 (01 phần), Nguyễn Thị D170 (01 phần), Đặng Văn D138 (01 phần), Nguyễn Văn D206 (01 phần), Trần Thị D43 (01 phần), Nguyễn Văn D32 (01 phần), Lê Thị D146 (01 phần), Nguyễn Thị D127 (01 phần), Nguyễn Thị D61 (01 phần), Lê Thị D94 (01 phần), Hồ Thị D197 (01 phần), Nguyễn Thị G7D208 (01 phần), Phạm Thị D201 (01 phần), Phạm Thị D34 (01 phần), Nguyễn Thị Cẩm D227 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên: D4, D14, D239, D32, D92, D126, D170 để lĩnh 07 phần hội tại các tháng: 6-2013, 7-2013, 8-2013, 10-2013, 11-2013, 3-2014, 4-2014; chiếm đoạt **77.600.000** đồng của 20 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **47.600.000** đồng.

- Dây số 26:

Dây hội gồm 24 phần trong danh sách, có 20 hội viên tham gia. Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 11 kỳ, trong đó: 02 hội viên thực lĩnh 2 phần hội, 22 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Hà Thị D187 (01 phần), Huỳnh Thị D174 (01 phần), Nguyễn Thị D7 (01 phần), Nguyễn Thị D198 (01 phần), Lương Thị D99 (01 phần), Đỗ Thị D121 (03 phần), Vũ Đức D70 (01 phần), Nguyễn Thị Bạch D208 (02 phần), Nguyễn Thị D151 (01 phần), Nguyễn Hồng D82 (01 phần), Nguyễn Thị Thúy D42 (01 phần), Lê Thành D126 (02 phần), Phạm Thị D102 (01 phần), Nguyễn Văn D32 (01 phần), Phạm Thị D201

(01 phần), Võ Thị D180 (01 phần), Võ Thị D60 (01 phần), Hồ Thị D197 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên: D187, D174, D7, D198, D99, D121, D70, D208, D151 để lĩnh 09 phần hội tại các tháng: 6-2013, 7-2013, 9-2013, 10-2013, 11-2013, 12-2013, 01-2014, 3-2014, 4-2014; chiếm đoạt **115.140.000** đồng của 22 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **26.840.000** đồng.

2.10 Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05-7-2013 (dương lịch), gồm 03 đây:

- **Dây số 27, 28:** Không có căn cứ để tính tiền chiếm đoạt

- **Dây số 29:**

Dây hội gồm 29 phần, có 22 hội viên tham gia 28 phần trong danh sách, N không đưa vào danh sách 01 phần hội của hội viên Nguyễn Thị D27 nhưng vẫn thu tiền hội, chiếm đoạt 6.260.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 10 kỳ, trong đó: 01 hội viên thực lĩnh 01 phần, 27 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Nguyễn Văn D163 (01 phần), Trần Thị Tuyết D130 (01 phần), Võ Văn D214 (01 phần), Nguyễn Thị D217 (01 phần), Phạm Thị D104 (01 phần), Nguyễn Văn D206 (01 phần), Đỗ Văn D48 (01 phần), Nguyễn Văn D26 (01 phần), Võ Văn D81 (01 phần), Huỳnh Kim D148 (01 phần), Trương Thị D142 (03 phần), Nguyễn Thị D220 (01 phần), Lê Thị D5 (01 phần), Võ Thị D60 (02 phần), Phạm Thị D102 (01 phần), Nguyễn Phi D53 (01 phần), Võ Thị D49 (01 phần), Nguyễn Thị D27 (01 phần), Đồng Văn D168 (02 phần), Nguyễn Tấn D33 (01 phần), Nguyễn Thị D2 (01 phần), Võ Văn D81 (01 phần), Mai Thị Kim D203 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên: D163, D130, D214, D217, D104, D206, D48, D26, D81 để lĩnh 09 phần hội tại tháng: 7-2013, 8-2013, 9-2013, 10-2013, 11-2013, 12-2013, 01-2014, 02-2014, 3-2014; chiếm đoạt 158.220.000 đồng của 27 lượt hội viên.

Tổng cộng N chiếm đoạt **164.480.000** đồng của 28 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **8.400.000** đồng.

2.11 Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10-9-2013 (dương lịch), gồm 02 đây:

- **Dây số 30:** Không có căn cứ để tính tiền chiếm đoạt.

- **Dây số 31:**

Dây hội gồm 28 phần trong danh sách, có 23 hội viên tham gia. Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 8 kỳ, trong đó: 01 hội viên thực lĩnh 01 phần hội, 27 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Trần Thị D173 (01 phần), Lê Thị Kim D58 (01 phần), Đỗ Thị D121 (01 phần), Nguyễn Thị D21 (01 phần), Phạm Thị D119 (01 phần), Hà Thị D109 (01 phần), Hồ Thị D239 (01 phần), Dương Thị D159 (01 phần), Trương Thị D142 (03 phần), Huỳnh Thị D75 (02 phần), Nguyễn Thị D183 (01 phần), Lê Kim Quy (01 phần), Nguyễn Thị D21 (01 phần), Nguyễn Thị D189 (01 phần), Bùi Thị D4 (02 phần), Hà Thị D187 (01 phần), Trương Thị Thu D196 (01 phần), Nguyễn Văn D32 (01 phần), Huỳnh Văn D190 (01 phần), Nguyễn Thị D221 (01 phần), Lê Thị D94 (01 phần), Nguyễn Văn D172 (01 phần), Huỳnh Thị D118 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên: D173, D58, D121, D21, D119, D109, D239 để lĩnh 07 phần hội tại các tháng: 9-2013, 10-2013, 11-2013, 12-2013, 01-2014, 02-2014, 4-2014;

chiếm đoạt **108.040.000** đồng của 27 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **13.500.000** đồng.

2.12 Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10-11-2013 (dương lịch), gồm 02 dây:

- Dây số 32:

Dây hội gồm 28 phần, có 22 hội viên tham gia 27 phần trong danh sách, N đưa vào danh sách 01 phần hội của hội viên không có thật. Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 6 kỳ, trong đó: N lĩnh phần hội không có thật tại tháng 11-2013, 27 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Nguyễn Thị D116 (01 phần), Nguyễn Thị D177 (01 phần), Trần Thị D31 (01 phần), Phan Thị D124 (01 phần), Nguyễn Thị D116 Thi (01 phần), Trương Thị D142 (03 phần), Nguyễn Thị D69 (01 phần), Lê Thị D94 (02 phần), Nguyễn Thị Thu D226 (01 phần), Trần Thị D31 (01 phần), Cao Kim D17 (02 phần), Nguyễn Thị D228 (02 phần), Đinh Thị D165 (02 phần), Võ Thị Minh D78 (01 phần), Võ Thị D150 (01 phần), Nguyễn Thị D85 (01 phần), Nguyễn Thị D153 (01 phần), Đặng Thị D128 (01 phần), Trần Thị D152 (01 phần), Phạm Thị D233 (01 phần), Nguyễn Văn D163 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên: D116, D177, D31, D124, D116 để lĩnh 05 phần hội tại tháng: 12-2013, 01-2014, 02-2014, 3-2014, 4-2014; chiếm đoạt **89.540.000** đồng của 27 lượt hội viên còn sống.

- Dây số 33:

Dây hội gồm 28 phần trong danh sách, có 22 hội viên tham gia. Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 6 kỳ, trong đó: 01 hội viên thực lĩnh 01 phần, 27 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Cao Kim D17 (01 phần), Đồng Thị Huyền D41 (01 phần), Nguyễn Thị D177 (01 phần), Lê Văn D54 (01 phần), Võ Thị D240 (01 phần), Trần Thị D173 (01 phần), Trương Thị D142 (03 phần), Trần Thị D31 (03 phần), Nguyễn Thị D116 Thi (01 phần), Lê Thị D94 (01 phần), Đinh Thị D165 (03 phần), Lê Thị D87 (01 phần), Nguyễn Thị D116 (01 phần), Nguyễn Thị Thu D226 (01 phần), Nguyễn Thị D69 (01 phần), Nguyễn Thị D228 (01 phần), Nguyễn Thị D37 (01 phần), Võ Thị Bích D19 (01 phần), Phạm Thị D233 (01 phần), Trần Thị D200 (01 phần), Nguyễn Văn D163 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên: D17, D41, D177, D54, D240 để lĩnh 05 phần hội tại các tháng: 11-2013, 12-2013, 01-2014, 02-2014, 4-2014; chiếm đoạt **74.110.000** đồng của 27 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **14.850.000** đồng.

2.13. Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10-12-2013 (dương lịch), gồm 02 dây:

- Dây số 34:

Dây hội gồm 25 phần trong danh sách: N tham gia 01 phần và 23 hội viên tham gia 24 phần. Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được kỳ 5, trong đó: N thực lĩnh 01 phần hội; 24 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Huỳnh Thị D111 (03 phần), Nguyễn Thị D86 (01 phần), Nguyễn Thị Hồng D167 (01 phần), Nguyễn Thị D228 (Mợ Bảy, 01 phần), Võ Thị D132 (01 phần), Huỳnh Thị D176 (01 phần), Nguyễn Thị D229 (01 phần), Trương Thị D142 (01 phần), Nguyễn Thị D24 (01 phần), Hồ Minh D52 (01 phần), Nguyễn Thị D221 (01

phần), Võ Thị D95 (01 phần), Huỳnh Văn D190 (01 phần), Võ Thị D49 (01 phần), Thái Thị Thu D131 (01 phần), Mai Thị Kim D101 (01 phần), Phạm Thị D38 (01 phần), Nguyễn Thị D183 (01 phần), Nguyễn Thị D18 (01 phần), Đồng Hữu D164 (01 phần), Trần Thị D173 (01 phần), Nguyễn Thị D228 (Chín Giỏi, 01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên: D111, D86 để lĩnh 04 phần hội tại tháng 12-2013, 01-2014, 02-2014, 3-2014; chiếm đoạt tổng cộng **56.230.000** đồng của 24 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **12.730.000** đồng.

- Dây số 35:

Dây hội gồm 25 phần trong danh sách: N tham gia 01 phần và 22 hội viên tham gia 24 phần.

Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 5 kỳ, trong đó: N thực lĩnh 01 phần; 24 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Nguyễn Thị D37 (02 phần), Thái Thị Thu D131 (01 phần), Nguyễn Thị D116 (01 phần), Nguyễn Thị D110 (01 phần), Nguyễn Thị D221 (01 phần), Trương Thị D142 (01 phần), Đinh Thị D165 (01 phần), Võ Thị D95 (01 phần), Nguyễn Thị D28 (01 phần), Huỳnh Văn D190 (02 phần), Võ Thị D49 (01 phần), Mai Thị Kim D101 (01 phần), Nguyễn Thị Xê (01 phần), Đoàn Thị Thúy D139 (01 phần), Trương Thị D141 (01 phần), Huỳnh Thị D176 (01 phần), Đoàn Thị Thúy D139 (01 phần), Hồ Minh D52 (01 phần), Võ Thị D13 (01 phần), Nguyễn Thị D1 (01 phần), Nguyễn Thị D183 (01 phần), Nguyễn Thị D228 (01 phần); N tự ý lấy tên các hội viên: D37, D131, D116, D110 để lĩnh 04 phần hội tại tháng: 12-2013, 01-2014, 02-2014, 3-2014; chiếm đoạt tổng cộng **57.380.000** đồng của 24 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **12.240.000** đồng.

2.14 Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10-2-2014 (dương lịch), gồm 03 dây:

- Dây số 36, 37, 38: Không có căn cứ để tính tiền chiếm đoạt.

2.15 Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10-3-2014 (dương lịch), gồm 02 dây:

- Dây số 39:

Dây hội gồm 24 phần trong danh sách: N tham gia 01 phần hội và 17 hội viên tham gia 23 phần hội.

Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 2 kỳ, trong đó: N thực lĩnh 01 phần hội; 23 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Trần Văn D56, Trương Thị D142 (05 phần), Trương Thị D141 (02 phần), Võ Thị D45 (02 phần), Đoàn Thị D216 (02 phần), Huỳnh Thị Ngọc D218 (01 phần), Trần Ngọc D68 (01 phần), Võ Văn D22 (01 phần), Võ Thị D134 (02 phần), Huỳnh Thị D223 (01 phần), Nguyễn Văn D186 (01 phần), Phạm Thị D102 (01 phần), Lê Thị D94 (01 phần), Đinh Thị D39 (01 phần), Huỳnh Thị D176 (01 phần); N tự ý lấy tên hội viên Trần Văn D56 để lĩnh 01 phần hội tại tháng 4-2014; chiếm đoạt **12.600.000** đồng của 23 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **14.950.000** đồng.

- Dây số 40:

Dây hội gồm 25 phần, có 24 phần trong danh sách: N tham gia 01 phần hội và 17 hội viên tham gia 23 phần hội; N không đưa vào danh sách 01 phần hội của hội viên Võ Văn D22 nhưng vẫn thu tiền hội, chiếm đoạt 1.250.000 đồng.

Tính đến tháng 4-2014, dây hội khai được 2 kỳ, trong đó N thực lĩnh 01 phần hội; 23 phần hội của các hội viên chưa lĩnh hội gồm: Võ Văn D22 (01 phần), Trương Thị D142 (05 phần), Đoàn Thị Thúy D139 (01 phần), Võ Thị D45 (01 phần), Đoàn Thị D216 (03 phần), Huỳnh Thị Ngọc D218 (01 phần), Nguyễn Thị D170 (01 phần), Võ Thị D134 (02 phần), Trần Thị Gái D122 (01 phần), Đinh Thị D39 (02 phần), Phạm Thị D233 (01 phần), Nguyễn Thị Huyền D113 (01 phần), Huỳnh Thị D223 (01 phần), Phạm Thị D102 (01 phần), Lê Thị D94 (01 phần); N tự ý lấy tên hội viên D22 để lĩnh 01 phần hội tại tháng 4-2014; chiếm đoạt 11.400.000 đồng của 23 lượt hội viên.

Tổng cộng N chiếm đoạt **12.650.000** đồng của 24 lượt hội viên còn sống, chịu trách nhiệm dân sự **14.950.000** đồng.

Trong quá trình tổ chức hội, lợi dụng sự tin tưởng của hội viên, thực tế các hội viên không đi khai hội, N đã thu tiền cao hơn giá khai, chiếm đoạt của 16 lượt hội viên tại 10 dây hội, với tổng số tiền **8.190.000** đồng, cụ thể như sau:

+ Dây số 4: Thu tiền hội chênh lệch của hội viên Huỳnh Thị D224, với số tiền 540.000 đồng;

+ Dây số 7: Thu tiền hội chênh lệch của hội viên Nguyễn Thị D127, với số tiền 340.000 đồng;

+ Dây số 11: Thu tiền hội chênh lệch của hội viên Trần Thị D207, với số tiền 110.000 đồng;

+ Dây số 16: Thu tiền hội chênh lệch của hội viên Nguyễn Thị D153, với số tiền 1.590.000 đồng; Nguyễn Thị Thúy D42, với số tiền 520.000 đồng; Võ Thị D95, với số tiền 200.000 đồng;

+ Dây số 17: Thu tiền hội chênh lệch của hội viên Trần Thị Gái D122, với số tiền 910.000 đồng;

+ Dây số 18: Thu tiền hội chênh lệch của hội viên Phạm Thị D175, với số tiền 670.000 đồng;

+ Dây số 19: Thu tiền hội chênh lệch của hội viên Đồng Thị D41, với số tiền 110.000 đồng; Phạm Thị D175, với số tiền 1.280.000 đồng;

+ Dây số 22: Thu tiền hội chênh lệch của hội viên Phạm Thị D175, với số tiền 1.550.000 đồng;

+ Dây số 23: Thu tiền hội chênh lệch của hội viên Nguyễn Thị Thúy D42, với số tiền 130.000 đồng;

+ Dây số 25: Thu tiền hội chênh lệch của hội viên Nguyễn Thị D127, với số tiền 120.000 đồng; Hồ Thị D197, với số tiền 120.000 đồng.

Ngoài ra, do mất khả năng chi trả từ năm 2012, nên N vay tiền của bà Hồ Thị D197, bà Nguyễn Thị D170, bà Đỗ Thị D121, bà Nguyễn Thị D179, với tổng số tiền **250.000.000** đồng, mục đích để choàng hội cho các hội viên khác, thỏa thuận lãi suất từ 3% đến 6%/tháng và thực hiện trả lãi hàng tháng. Đến

trước thời điểm bề hụi, N đã trả được tổng cộng **119.000.000** đồng, còn nợ **131.000.000** đồng. Số tiền N sử dụng để đóng lãi và trả tiền gốc đôi với các khoản vay là do N tự ý lấy tên các hụi viên lĩnh hụi mà có.

Như vậy, trong 33 dây hụi nêu trên bị cáo N đã có hành vi gian dối chiếm đoạt tổng cộng **4.023.180.000 đồng** của **234 hụi viên**.

Tóm lại: Trong vụ án này bị cáo N chiếm đoạt tổng cộng là: **131.000.000 đồng + 4.023.180.000 đồng = 4.154.180.000 đồng**.

Qua kết quả đối chiếu tiền hụi chết, tiền hụi thực đóng thể hiện: 36 hụi viên không yêu cầu bồi thường, với tổng số tiền là 337.660.000 đồng; 21 hụi viên còn nợ bị cáo N tiền hụi chết, với tổng số tiền 166.300.000 đồng; 03 hụi viên yêu cầu trả tiền gốc, tiền lãi; 195 hụi viên còn lại sau khi cân trừ tiền hụi chết và tiền bị cáo N đã trả, yêu cầu bị cáo N trả tiền gốc; riêng các hụi viên sau đây, ngoài yêu cầu bị cáo N trả tiền gốc còn yêu cầu:

- + Bà Phạm Thị D38 yêu cầu trả tiền hụi chưa đăng 6.800.000 đồng;
- + Bà Đỗ Thị D121 yêu cầu trả 50.000.000 đồng tiền vay;
- + Bà Nguyễn Thị D179 yêu cầu trả 46.000.000 đồng tiền vay;
- + Bà Hồ Thị D197 yêu cầu trả 5.000.000 đồng tiền vay;
- + Bà Nguyễn Thị D170 yêu cầu trả 30.000.000 đồng tiền vay (bà N đã vay của con ruột bà là Nguyễn Thị D170);
- + Bà Trương Thị D142 yêu cầu đăng hụi chót dây 500.000 đồng/tháng;
- + Bà Lê Thị D231 yêu cầu trả 3.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số: 04/CT-VKS-P3, ngày 17 tháng 5 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Thị N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N từ 14 đến 16 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Thị N có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại và xử lý vật chứng đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo trình bày:

Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nguyên nhân dẫn đến bị cáo phạm tội là do bị cáo

muốn có cuộc sống khá giả nên tổ chức chơi hội nhưng do văn hóa thấp, không cân đối được các khoản thu, chi kể cả các khoản chi tiêu trong gia đình nên dẫn đến phạm tội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ như Kiểm sát viên đã đề nghị để giảm nhẹ cho bị cáo một phần mức án.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã biết lỗi, mong được xem xét giảm nhẹ để sớm trở về đoàn tụ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tây Ninh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo và bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm Ny bị cáo Nguyễn Thị N đã khai nhận:

2.1. Từ năm 2002 đến khi tuyên bố vỡ hội tháng 4-2014, Nguyễn Thị N đã tổ chức nhiều dây hội do mình làm chủ hội cho nhiều người tham gia; lợi dụng việc hội viên tin tưởng, không đến khai hội và nắm bắt tâm lý các hội viên thường nuôi hội, N dùng thủ đoạn gian dối như:

+ Không đưa tên hội viên vào danh sách nhưng vẫn thu tiền hội, ghi tên những hội viên không có thật vào danh sách để lĩnh các phần hội, tự ý lấy tên hội viên để lĩnh hội mà không được hội viên đồng ý, chiếm đoạt 4.014.990.000 đồng;

+ Thu tiền hội không đúng số tiền khai hội để chiếm đoạt tiền của các hội viên, chiếm đoạt 8.190.000 đồng.

Tại thời điểm tuyên bố vỡ hội còn 42 dây hội đang hoạt động, trong đó: 02 dây hội 500.000 đồng/tháng, 40 dây hội 1.000.000 đồng/tháng nhưng có 33 dây hội thể hiện bị cáo N có hành vi gian dối như trên để chiếm đoạt tổng số tiền 4.023.180.000 đồng của 234 hội viên (có danh sách thống kê kèm theo).

+ Ngoài ra, để duy trì hoạt động của các dây hội, N đã vay tiền của 04 hội viên gồm: Hồ Thị D197, Nguyễn Thị D170 (bà Nguyễn Thị D170 chơi giùm), Đỗ Thị D121, Nguyễn Thị D179; tổng cộng chiếm đoạt của họ là 131.000.000 đồng.

Cộng chung tổng số tiền bị cáo N đã chiếm đoạt là: 4.014.990.000 đồng + 8.190.000 đồng + 131.000.000 đồng = 4.154.180.000 đồng.

2.2. Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị N phạm

tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là phù hợp với quy định của Nghị quyết số: 41/2017/QH14, ngày 20-6-2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số: 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14.

[3] Vụ án mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng; hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; mang tính liên tục nhiều lần và xảy ra trong một thời gian dài, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Đồng thời, hành vi phạm tội của bị cáo còn ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương. Do đó, cần nghiêm trị để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[4] Khi quyết định hình phạt, có xem xét: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện khắc phục một phần hậu quả bằng cách bồi thường cho 16 hội viên (hội viên Huỳnh Thị D241 không nằm trong danh sách bị hại nên số tiền 7.200.000 đồng bị cáo N đã bồi thường cho bà Lợi không được khấu trừ trong vụ án này), với tổng số tiền là 88.100.000 đồng; bị hại Trần Thị D212 có đơn bãi nại đề ngày 04-8-2018; đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, bị cáo có một tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Các biện pháp tư pháp:

5.1. Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Cần buộc bị cáo Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho từng người bị hại đã được xác định, Hội đồng xét xử sẽ tuyên cụ thể trong phần quyết định của bản án.

5.2. Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số: 01/L-VPĐT ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh đối với tài sản của vợ chồng bị cáo Nguyễn Thị N để bảo đảm việc thi hành án.

[6] Về vật chứng: Tạm giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: 850000 do Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bàng cấp ngày 02-8-2011 đứng tên Trần Văn R và Nguyễn Thị N để bảo đảm việc thi hành án.

[7] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần đề nghị của người bào chữa; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[8] Theo quy định tại điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; do bị kết án nên bị cáo N phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Do có một số bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên sau khi khấu trừ khoản tiền không yêu cầu bồi thường và khoản tiền

bị cáo N đã bồi thường, Hội đồng xét xử chỉ buộc bị cáo chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền đã buộc bồi thường là:

4.154.180.000 đồng – (337.660.000 đồng + 88.100.000 đồng) = 3.728.420.000 đồng;

Cụ thể được tính như sau:

72.000.000 đồng + (1.728.420.000 đồng x 2%) = 106.568.400 đồng.

[9] Các bị hại có quyền khởi kiện vụ án dân sự đối với số tiền chênh lệch còn lại theo danh sách thống kê của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh (từ bút lục 3357 đến 3379; cột 12) tại Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị N 15 (mười lăm) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt tạm giam 21-6-2018.

2. Các biện pháp tư pháp:

3. Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nguyễn Thị N có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại, cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị D1: Ghi nhận bà Ai không yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền 9.460.000 (chín triệu, bốn trăm, sáu mươi nghìn) đồng.

2. Bà Nguyễn Thị D2: Ghi nhận bà D2 không yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền 12.900.000 (mười hai triệu, chín trăm nghìn) đồng;

3. Bà Phạm Thị D3: 17.215.000 (mười bảy triệu, hai trăm mười lăm nghìn) đồng;

4. Bà Bùi Thị D4: 11.040.000 (mười một triệu, không trăm, bốn mươi nghìn) đồng;

5. Bà Lê Thị D5: 21.440.000 (hai mươi một triệu, bốn trăm, bốn mươi nghìn) đồng;

6. Bà Thân Thị D6: 6.470.000 (sáu triệu, bốn trăm, bảy mươi nghìn) đồng;

7. Chị Nguyễn Thị D7: 5.270.000 (năm triệu, hai trăm, bảy mươi nghìn) đồng;

8. Ông Trần Văn D8: 20.800.000 (hai mươi triệu, tám trăm nghìn) đồng;

9. Anh Trần Văn D9: 19.520.000 (mười chín triệu, năm trăm, hai mươi nghìn) đồng;

10. Ông Lê Văn D10: 16.660.000 (mười sáu triệu, sáu trăm, sáu mươi nghìn) đồng;

11. Ông Đặng Văn D11: 10.370.000 đồng, ghi nhận bị cáo N đã bồi thường 1.500.000 đồng, còn phải bồi thường 8.870.000 (tám triệu, tám trăm, bảy mươi nghìn) đồng;

12. Bà Đặng Thị D12: Ghi nhận bà Chắc không yêu cầu bị cáo N bồi thường 7.900.000 (bảy triệu, chín trăm nghìn) đồng;

13. Bà Võ Thị D13: Ghi nhận bà Châu không yêu cầu bị cáo N bồi thường 8.460.000 (tám triệu, bốn trăm, sáu mươi nghìn) đồng;

14. Bà Lê Thị D14: 17.040.000 (mười bảy triệu, không trăm, bốn mươi nghìn) đồng;

15. Bà Phan Thị 15: 6.025.000 đồng; ghi nhận bị cáo N đã bồi thường 5.000.000 đồng, còn phải bồi thường 1.025.000 (một triệu, không trăm, hai mươi lăm nghìn) đồng;

16. Bà Đặng Thị D16: 30.985.000 (ba mươi triệu, chín trăm, tám mươi lăm nghìn) đồng;

17. Bà Cao Kim D17: 16.880.000 (mười sáu triệu, tám trăm, tám mươi nghìn) đồng (đã cân trừ xong);

18. Bà Nguyễn Thị D18: 2.370.000 (hai triệu, ba trăm, bảy mươi nghìn) đồng;

19. Bà Võ Thị Bích D19: 2.430.000 (hai triệu, bốn trăm, ba mươi nghìn) đồng (đã cân trừ xong), không yêu cầu thêm;

20. Bà Võ Thị D20: 2.450.000 (hai triệu, bốn trăm, năm mươi nghìn) đồng;

21. Bà Nguyễn Thị D21: 28.070.000 (hai mươi tám triệu, không trăm, bảy mươi nghìn) đồng;

22. Ông Võ Văn D22: Ghi nhận ông Cho không yêu cầu bị cáo N bồi thường 2.450.000 (hai triệu, bốn trăm, năm mươi nghìn) đồng;

23. Bà Phạm Thị D23: 5.920.000 (năm triệu, chín trăm, hai mươi nghìn) đồng;

24. Bà Nguyễn Thị D24: 12.130.000 (mười hai triệu, một trăm, ba mươi nghìn) đồng;

25. Ông Lê Văn D25: Ghi nhận ông Chổng không yêu cầu bị cáo N bồi thường 9.150.000 (chín triệu, một trăm, năm mươi nghìn) đồng;

26. Anh Nguyễn Văn D26: 5.860.000 (năm triệu, tám trăm, sáu mươi nghìn) đồng, đã cân trừ xong, không yêu cầu bị cáo N bồi thường thêm;

27. Bà Nguyễn Thị D27: 24.700.000 (hai mươi bốn triệu, bảy trăm nghìn) đồng;

28. Chị Nguyễn Thị D28: 23.830.000 (hai mươi ba triệu, tám trăm, ba mươi nghìn) đồng;

29. Anh Phan Văn D29: 4.000.000 (bốn triệu) đồng;

30. Ông Nguyễn Văn D30: 6.025.000 (sáu triệu, không trăm, hai mươi lăm nghìn) đồng;
31. Bà Trần Thị D31: 15.830.000 (mười lăm triệu, tám trăm, ba mươi nghìn) đồng;
32. Ông Nguyễn Văn D32: 33.580.000 (ba mươi ba triệu, năm trăm tám mươi nghìn) đồng;
33. Ông Nguyễn Tấn D33: 13.760.000 (mười ba triệu, bảy trăm, sáu mươi nghìn) đồng;
34. Bà Phạm Thị D34: 11.870.000 đồng, ghi nhận bị cáo N đã bồi thường 6.200.000 đồng, còn phải bồi thường 5.670.000 (năm triệu, sáu trăm, bảy mươi nghìn) đồng;
35. Ông Trần Văn D35: 7.190.000 (bảy triệu, một trăm, chín mươi nghìn) đồng;
36. Bà Trần Thị D36: Ghi nhận bà D36 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 56.480.000 (năm mươi sáu triệu, bốn trăm, tám mươi nghìn) đồng;
37. Bà Nguyễn Thị D37: 7.770.000 (bảy triệu, bảy trăm, bảy mươi nghìn) đồng;
38. Bà Phạm Thị D38: 2.370.000 (hai triệu, ba trăm, bảy mươi nghìn) đồng;
39. Bà Đinh Thị D39: 33.070.000 đồng, ghi nhận bị cáo N đã bồi thường 10.000.000 đồng, còn phải bồi thường 23.070.000 (hai mươi ba triệu, không trăm, bảy mươi nghìn) đồng;
40. Bà Lê Thị D40: 7.900.000 (bảy triệu, chín trăm nghìn) đồng;
41. Bà Đồng Thị Huyền D41 + Đồng Thị D41: 23.495.000 (hai mươi ba triệu, bốn trăm, chín mươi lăm nghìn) đồng;
42. Bà Nguyễn Thị Thúy D42: 24.050.000 (hai mươi bốn triệu, không trăm, năm mươi nghìn) đồng;
43. Anh Trần D44 là người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị D43 (đã chết): 10.530.000 (mười triệu, năm trăm, ba mươi nghìn) đồng;
44. Anh Trần D44: Ghi nhận anh D44 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 15.260.000 (mười lăm triệu, hai trăm, sáu mươi nghìn) đồng;
45. Chị Võ Thị D45: 1.800.000 (một triệu, tám trăm nghìn) đồng;
46. Bà Nguyễn Thị Ngọc D46: 16.975.000 (mười sáu triệu, chín trăm, bảy mươi lăm nghìn) đồng;
47. Ông Trần Văn D47: 5.030.000 (năm triệu, không trăm, ba mươi nghìn) đồng;
48. Ông Đỗ Văn D48: 5.860.000 (năm triệu, tám trăm, sáu mươi nghìn) đồng;
49. Bà Võ Thị D49: 37.400.000 (ba mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn) đồng;

50. Bà Phạm Thị D50: 31.870.000 (ba mươi một triệu, tám trăm, bảy mươi nghìn) đồng;

51. Chị Lê Thị D51: 12.080.000 (mười hai triệu, không trăm, tám mươi nghìn) đồng;

52. Ông Hồ Minh D52: Ghi nhận ông D52 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 4.790.000 (bốn triệu, bảy trăm, chín mươi nghìn) đồng;

53. Ông Nguyễn Phi D53: 5.860.000 (năm triệu, tám trăm, sáu mươi nghìn) đồng;

54. Ông Lê Văn D54: 32.640.000 (ba mươi hai triệu, sáu trăm, bốn mươi nghìn) đồng;

55. Bà Phạm Thị D55: 25.690.000 (hai mươi lăm triệu, sáu trăm, chín mươi nghìn) đồng;

56. Anh Trần Văn D56: Ghi nhận anh D56 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 17.590.000 (mười bảy triệu, năm trăm, chín mươi nghìn) đồng;

57. Anh Nguyễn Văn D57: 28.580.000 (hai mươi tám triệu, năm trăm, tám mươi nghìn) đồng;

58. Bà Lê Thị Kim D58: 19.695.000 (mười chín triệu, sáu trăm, chín mươi lăm nghìn) đồng;

59. Bà Nguyễn Thị D59: 9.150.000 (chín triệu, một trăm, năm mươi nghìn) đồng;

60. Bà Võ Thị D60: 35.530.000 (ba mươi lăm triệu, năm trăm, ba mươi nghìn) đồng;

61. Bà Nguyễn Thị D61 (a): 25.235.000 (hai mươi lăm triệu, hai trăm, ba mươi lăm nghìn) đồng;

62. Bà Nguyễn Thị D61 (a1): 6.960.000 (sáu triệu, chín trăm, sáu mươi nghìn) đồng;

63. Bà Nguyễn Thị D61: Ghi nhận bà D61 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 4.000.000 (bốn triệu) đồng;

64. Bà Võ Thị D60: 4.620.000 (bốn triệu, sáu trăm, hai mươi nghìn) đồng;

65. Bà Nguyễn Thị D65: 6.470.000 (sáu triệu, bốn trăm, bảy mươi nghìn) đồng;

66. Bà Đặng Thị D66: 19.290.000 (mười chín triệu, hai trăm, chín mươi nghìn) đồng;

67. Ông Lê Văn D67: 5.520.000 (năm triệu, năm trăm, hai mươi nghìn) đồng;

68. Chị Trần Ngọc D68: 6.625.000 (sáu triệu, sáu trăm, hai mươi lăm nghìn) đồng;

69. Bà Nguyễn Thị D69: 6.450.000 (sáu triệu, bốn trăm, năm mươi nghìn) đồng;

70. Ông Vũ Đức D70: Ghi nhận ông D70 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 5.270.000 (năm triệu, hai trăm, bảy mươi nghìn) đồng;

71. Chị Phạm Thị Lệ D71: 6.025.000 (sáu triệu, không trăm, hai mươi lăm nghìn) đồng;

72. Chị Phạm Thị Thúy D72: 10.070.000 (mười triệu, không trăm, bảy mươi nghìn) đồng;

73. Bà Phạm Thị D73: 4.220.000 (bốn triệu, hai trăm, hai mươi nghìn) đồng;

74. Chị Trương Thị Bạch D74: 49.980.000 đồng, ghi nhận bị cáo N đã bồi thường 10.200.000 đồng, còn phải bồi thường 39.780.000 (ba mươi chín triệu, bảy trăm, tám mươi nghìn) đồng;

75. Bà Huỳnh Thị D75: 25.215.000 (hai mươi lăm triệu, hai trăm, mười lăm nghìn) đồng;

76. Bà Nguyễn Thị D76: 8.670.000 (tám triệu, sáu trăm, bảy mươi nghìn) đồng;

77. Bà Đồng Thị D77: 9.760.000 (chín triệu, bảy trăm, sáu mươi nghìn) đồng;

78. Bà Võ Thị Minh D78: 3.520.000 (ba triệu, năm trăm, hai mươi nghìn) đồng;

79. Bà Ngô Thị D79: 21.605.000 (hai mươi một triệu, sáu trăm linh năm nghìn) đồng;

80. Bà Nguyễn Thị D80: Ghi nhận bà D80 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 6.515.000 (sáu triệu, năm trăm, mười lăm nghìn) đồng;

81. Ông Võ Văn D81: 11.720.000 (mười một triệu, bảy trăm, hai mươi nghìn) đồng;

82. Bà Nguyễn Hồng D82: 4.870.000 (bốn triệu, tám trăm, bảy mươi nghìn) đồng;

83. Bà Đặng Thị D83: 7.040.000 (bảy triệu, không trăm, bốn mươi nghìn) đồng;

84. Anh Phạm Văn D84: 12.730.000 (mười hai triệu, bảy trăm, ba mươi nghìn) đồng;

85. Bà Nguyễn Thị D85: 51.470.000 (năm mươi một triệu, bốn trăm, bảy mươi nghìn) đồng;

86. Bà Nguyễn Thị D86: 25.860.000 (hai mươi lăm triệu, tám trăm, sáu mươi nghìn) đồng;

87. Bà Lê Thị D87: Ghi nhận bà D87 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 2.930.000 (hai triệu, chín trăm, ba mươi nghìn) đồng;

88. Bà Đồng Thị D88: 24.470.000 (hai mươi bốn triệu, bốn trăm, bảy mươi nghìn) đồng;

89. Chị Đồng Thị D89: 12.300.000 (mười hai triệu, ba trăm nghìn) đồng;

90. Bà Trần Thị D90: 33.055.000 (ba mươi ba triệu, không trăm, năm mươi lăm nghìn) đồng;

91. Chị Trần Thị D91: 21.080.000 (hai mươi một triệu, không trăm, tám mươi nghìn) đồng;

92. Anh Huỳnh Văn D92: 11.900.000 (mười một triệu, chín trăm nghìn) đồng;

93. Bà Trần Liên D93: 22.265.000 (hai mươi hai triệu, hai trăm, sáu mươi lăm nghìn) đồng;

94. Bà Lê Thị D94: 69.035.000 đồng, ghi nhận bị cáo N đã bồi thường 3.000.000 đồng, còn phải bồi thường 66.035.000 (sáu mươi sáu triệu, không trăm, ba mươi lăm nghìn) đồng;

95. Bà Võ Thị D95: 26.850.000 (hai mươi sáu triệu, tám trăm, năm mươi nghìn) đồng;

96. Bà Trần Thị Mỹ D96: 29.470.000 đồng, ghi nhận bị cáo N đã bồi thường 10.500.000 đồng, còn phải bồi thường 18.970.000 (mười tám triệu, chín trăm, bảy mươi nghìn) đồng;

97. Chị Lê Thị Ngọc D97: 11.450.000 (mười một triệu, bốn trăm, năm mươi nghìn) đồng;

98. Bà Phạm Thị D98: 8.170.000 (tám triệu, một trăm, bảy mươi nghìn) đồng (đã thỏa thuận xong), không yêu cầu gì thêm;

99. Bà Lương Thị D99: 5.270.000 (năm triệu, hai trăm, bảy mươi nghìn) đồng;

100. Ông Nguyễn Văn D100: 5.640.000 (năm triệu, sáu trăm, bốn mươi nghìn) đồng;

101. Bà Mai Thị Kim D101: 57.250.000 (năm mươi bảy triệu, hai trăm, năm mươi nghìn) đồng;

102. Bà Phạm Thị D102: 34.105.000 (ba mươi bốn triệu, một trăm linh năm nghìn) đồng;

103. Ông Lê Trọng D103: 67.860.000 (sáu mươi bảy triệu, tám trăm, sáu mươi nghìn) đồng;

104. Bà Phạm Thị D104: 11.200.000 (mười một triệu, hai trăm nghìn) đồng;

105. Ông Trần Văn D105: 6.040.000 (sáu triệu, không trăm, bốn mươi nghìn) đồng;

106. Chị Phạm Bích D106: 32.525.000 (ba mươi hai triệu, năm trăm, hai mươi lăm nghìn) đồng;

107. Bà Trần Thị G4: 13.885.000 (mười ba triệu, tám trăm, tám mươi lăm nghìn) đồng;

108. Bà Đồng Thị D108: 8.715.000 (tám triệu, bảy trăm, mười lăm nghìn) đồng;

109. Bà Hà Thị D109: 4.120.000 (bốn triệu, một trăm, hai mươi nghìn) đồng;

110. Bà Nguyễn Thị D110 (sinh năm 1956): 13.510.000 (mười ba triệu, năm trăm, mười nghìn) đồng;

111. Bà Huỳnh Thị D111: 9.530.000 đồng, ghi nhận bị cáo N đã bồi thường 14.400.000 đồng, số tiền chênh lệch 4.870.000 (bốn triệu, tám trăm, bảy mươi nghìn) đồng sẽ giải quyết trong vụ án dân sự khi có yêu cầu;

112. Chị Nguyễn Thị D110 (sinh năm 1983): Ghi nhận chị D110 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 6.910.000 (sáu triệu, chín trăm, mười nghìn) đồng;

113. Bà Đinh Thị D113 là người đại diện hợp pháp của chị Nguyễn Thị Huyền D113: Ghi nhận bà Lãnh không yêu cầu bị cáo N bồi thường 600.000 (sáu trăm nghìn) đồng;

114. Bà Phạm Thị D114: 25.225.000 đồng, ghi nhận bị cáo N đã bồi thường 500.000 đồng, còn phải bồi thường 24.725.000 (hai mươi bốn triệu, bảy trăm, hai mươi lăm nghìn) đồng;

115. Ông Trần Văn D115: Ghi nhận ông D115 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 5.340.000 (năm triệu, ba trăm, bốn mươi nghìn) đồng;

116. Bà Nguyễn Thị D116 (sinh năm 1972): 9.330.000 (chín triệu, ba trăm, ba mươi nghìn) đồng;

117. Bà Nguyễn Thị D116 (sinh năm 1966): 12.965.000 (mười hai triệu, chín trăm, sáu mươi lăm nghìn) đồng;

118. Chị Huỳnh Thị D118: 8.740.000 (tám triệu, bảy trăm, bốn mươi nghìn) đồng;

119. Bà Phạm Thị D119: 3.720.000 (ba triệu, bảy trăm, hai mươi nghìn) đồng;

120. Chị Hồ Thị D120: 4.120.000 (bốn triệu, một trăm, hai mươi nghìn) đồng;

121. Bà Đỗ Thị D121: 61.760.000 đồng tiền hụi và 50.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 111.760.000 (một trăm mười một triệu, bảy trăm, sáu mươi nghìn) đồng;

122. Chị Trần Thị Gái D122: 28.780.000 (hai mươi tám triệu, bảy trăm, tám mươi nghìn) đồng;

123. Ông Trần Văn D123: 6.515.000 (sáu triệu, năm trăm, mười lăm nghìn) đồng;

124. Chị Phan Thị D124: 10.520.000 (mười triệu, năm trăm, hai mươi nghìn) đồng;

125. Bà Phạm Thị D125: 29.090.000 (hai mươi chín triệu, không trăm, chín chục nghìn) đồng;

126. Ông Lê Thành D126: 19.680.000 (mười chín triệu, sáu trăm, tám mươi nghìn) đồng;

127. Bà Nguyễn Thị D127: 23.250.000 (hai mươi ba triệu, hai trăm, năm mươi nghìn) đồng;
128. Bà Đặng Thị D128: 9.530.000 (chín triệu, năm trăm, ba mươi nghìn) đồng;
129. Bà Võ Thị D129: 12.930.000 (mười hai triệu, chín trăm, ba mươi nghìn) đồng;
130. Chị Trần Thị Tuyết D130: 5.860.000 (năm triệu, tám trăm, sáu mươi nghìn) đồng;
131. Chị Thái Thị Thu D131: 10.650.000 (mười triệu, sáu trăm, năm mươi nghìn) đồng;
132. Bà Võ Thị D132: 26.375.000 (hai mươi sáu triệu, ba trăm, bảy mươi lăm nghìn) đồng;
133. Ông Lê Văn D133: 30.840.000 (ba mươi triệu, tám trăm, bốn mươi nghìn) đồng;
134. Bà Võ Thị D134: 2.400.000 (hai triệu, bốn trăm nghìn) đồng;
135. Chị Huỳnh Thị D135: 16.970.000 (mười sáu triệu, chín trăm, bảy mươi nghìn) đồng;
136. Chị Huỳnh Thị D136: 5.920.000 (năm triệu, chín trăm, hai mươi nghìn) đồng;
137. Bà Nguyễn Thị D137: 13.510.000 (mười ba triệu, năm trăm, mười nghìn) đồng;
138. Anh Đặng Văn D138: 9.140.000 đồng, ghi nhận bị cáo N đã bồi thường 2.500.000 đồng, còn phải bồi thường 6.640.000 (sáu triệu, sáu trăm, bốn mươi nghìn) đồng;
139. Bà Đoàn Thị Thúy D139: 20.420.000 đồng, ghi nhận bị cáo N đã bồi thường 1.600.000 đồng, còn phải bồi thường 18.820.000 (mười tám triệu, tám trăm, hai mươi nghìn) đồng;
140. Bà Nguyễn Thị D140: 16.510.000 (mười sáu triệu, năm trăm, mười nghìn) đồng;
141. Bà Trương Thị D141: Ghi nhận bà Nga không yêu cầu bị cáo N bồi thường 3.620.000 (ba triệu, sáu trăm, hai mươi nghìn) đồng;
142. Bà Trương Thị D142: 412.965.000 đồng, ghi nhận bị cáo N đã bồi thường 2.000.000 đồng, còn phải bồi thường 410.965.000 (bốn trăm mười triệu, chín trăm, sáu mươi lăm nghìn) đồng;
143. Chị Lâm Thị Ngọc D143: 66.815.000 (sáu mươi sáu triệu, tám trăm, mười lăm nghìn) đồng;
144. Chị Lê Thị Kim D144: 5.030.000 (năm triệu, không trăm, ba mươi nghìn) đồng;
145. Chị Trần Thị D145: 6.515.000 (sáu triệu, năm trăm, mười lăm nghìn) đồng;

146. Bà Lê Thị D146: 13.425.000 (mười ba triệu, bốn trăm, hai mươi lăm nghìn) đồng;

147. Bà Nguyễn Thị D147: 26.765.000 đồng, ghi nhận bị cáo N đã bồi thường 6.000.000 đồng, còn phải bồi thường 20.765.000 (hai mươi triệu, bảy trăm, sáu mươi lăm nghìn) đồng;

148. Chị Huỳnh Kim D148: 5.860.000 (năm triệu, tám trăm, sáu mươi nghìn) đồng;

149. Bà Nguyễn Thị D149: 8.715.000 (tám triệu, bảy trăm, mười lăm nghìn) đồng;

150. Bà Võ Thị D150: 3.520.000 (ba triệu, năm trăm, hai mươi nghìn) đồng;

151. Bà Nguyễn Thị D151: 5.270.000 (năm triệu, hai trăm, bảy mươi nghìn) đồng, đã cân trừ xong, không yêu cầu gì thêm;

152. Bà Trần Thị D152: Ghi nhận bà Nhanh không yêu cầu bị cáo N bồi thường 11.420.000 (mười một triệu, bốn trăm, hai mươi nghìn) đồng;

153. Bà Nguyễn Thị D153: 12.150.000 (mười hai triệu, một trăm, năm mươi nghìn) đồng;

154. Bà Nguyễn Thị D154: 14.460.000 (mười bốn triệu, bốn trăm, sáu mươi nghìn) đồng;

155. Bà Nguyễn Thị D155: 21.140.000 (hai mươi một triệu, một trăm, bốn mươi nghìn) đồng;

156. Bà Trần Thị Tuyết D156: 15.230.000 (mười lăm triệu, hai trăm, ba mươi nghìn) đồng;

157. Chị Trần Thị D157: 5.640.000 đồng, ghi nhận bị cáo N đã bồi thường 7.200.000 đồng; số tiền chênh lệch 1.560.000 (một triệu, năm trăm, sáu mươi nghìn) đồng sẽ giải quyết trong vụ án dân sự khi có đơn yêu cầu;

158. Anh Lê Tuấn D158: 5.340.000 (năm triệu, ba trăm, bốn mươi nghìn) đồng;

159. Bà Dương Thị D159: 17.630.000 (mười bảy triệu, sáu trăm, ba mươi nghìn) đồng;

160. Bà Phạm Thị D160: 8.715.000 (tám triệu, bảy trăm, mười lăm nghìn) đồng;

161. Bà Nguyễn Thị D161: 15.580.000 (mười lăm triệu, năm trăm, tám mươi nghìn) đồng;

162. Bà Võ Thị D162: Ghi nhận bà Phòng không yêu cầu bị cáo N bồi thường 2.930.000 (hai triệu, chín trăm, ba mươi nghìn) đồng;

163. Ông Nguyễn Văn D163: 12.310.000 (mười hai triệu, ba trăm, mười nghìn) đồng;

164. Anh Đồng Hữu D164: 13.390.000 (mười ba triệu, ba trăm, chín mươi nghìn) đồng;

165. Bà Đinh Thị D165: 46.750.000 (bốn mươi sáu triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn) đồng;
166. Bà Võ Thị D166: 13.400.000 (mười ba triệu, bốn trăm nghìn) đồng;
167. Chị Nguyễn Thị Hồng D167: 2.370.000 (hai triệu, ba trăm, bảy mươi nghìn) đồng;
168. Ông Đồng Văn D168: 11.720.000 (mười một triệu, bảy trăm, hai mươi nghìn) đồng;
169. Chị Lê Kim D169: 4.120.000 (bốn triệu, một trăm, hai mươi nghìn) đồng;
170. Bà Nguyễn Thị D170: 54.365.000 đồng tiền hụi; chị Nguyễn Thị D170: 30.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 84.365.000 (tám mươi bốn triệu, ba trăm, sáu mươi lăm nghìn) đồng;
171. Bà Phan Thị D171: 34.735.000 (ba mươi bốn triệu, bảy trăm, ba mươi lăm nghìn) đồng;
172. Ông Nguyễn Văn D172: 4.120.000 (bốn triệu, một trăm, hai mươi nghìn) đồng;
173. Bà Trần Thị D173: 27.240.000 (hai mươi bảy triệu, hai trăm, bốn mươi nghìn) đồng;
174. Bà Huỳnh Thị D174: Ghi nhận bà D174 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 15.850.000 (mười lăm triệu, tám trăm, năm mươi nghìn) đồng;
175. Bà Phạm Thị D175: 22.025.000 (hai mươi hai triệu, không trăm, hai mươi lăm nghìn) đồng;
176. Chị Huỳnh Thị D176: Ghi nhận chị D176 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 5.390.000 (năm triệu, ba trăm, chín mươi nghìn) đồng;
177. Chị Nguyễn Thị D177: 26.235.000 (hai mươi sáu triệu, hai trăm, ba mươi lăm nghìn) đồng ;
178. Bà Trần Thị D178: Ghi nhận bà D178 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 9.750.000 (chín triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn) đồng;
179. Bà Nguyễn Thị D179: 20.970.000 đồng tiền hụi và 46.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 66.970.000 (sáu mươi sáu triệu, chín trăm, bảy mươi nghìn) đồng;
180. Bà Võ Thị D180: Ghi nhận bà D180 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 10.410.000 (mười triệu, bốn trăm, mười nghìn) đồng;
181. Bà Trần Thị D181 (Trúc Đào): 9.150.000 (chín triệu, một trăm, năm mươi nghìn) đồng;
182. Bà Trần Thị D181 (Cô Bảy): Ghi nhận bà D181 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 6.470.000 (sáu triệu, bốn trăm, bảy mươi nghìn) đồng;
183. Bà Nguyễn Thị D183: 13.020.000 (mười ba triệu, không trăm, hai mươi nghìn) đồng;

184. Anh Nguyễn Văn D184: Ghi nhận anh D181 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 18.410.000 (mười tám triệu, bốn trăm, mười nghìn) đồng;

185. Bà Trần Thị D43: 8.620.000 (tám triệu, sáu trăm, hai mươi nghìn) đồng, đã căn trừ xong, không yêu cầu bị cáo N bồi thường;

186. Ông Nguyễn Văn D186: 15.680.000 (mười lăm triệu, sáu trăm, tám mươi nghìn) đồng;

187. Bà Hà Thị D187: 14.420.000 (mười bốn triệu, bốn trăm, hai mươi nghìn) đồng;

188. Bà Lê Thị D188: 17.340.000 (mười bảy triệu, ba trăm, bốn mươi nghìn) đồng;

189. Bà Nguyễn Thị D189: 4.120.000 (bốn triệu, một trăm, hai mươi nghìn) đồng;

190. Ông Huỳnh Văn D190: 26.560.000 (hai mươi sáu triệu, năm trăm, sáu mươi nghìn) đồng;

191. Chị Kim Ngọc D191: 43.715.000 (bốn mươi ba triệu, bảy trăm, mười lăm nghìn) đồng;

192. Bà Nguyễn Thị Kim D192: 5.640.000 (năm triệu, sáu trăm, bốn mươi nghìn) đồng;

193. Anh Huỳnh Công D193: 8.350.000 (tám triệu, ba trăm, năm mươi nghìn) đồng;

194. Anh Nguyễn Minh D194: 23.580.000 đồng, ghi nhận bị cáo N đã bồi thường 500.000 đồng, còn phải bồi thường số tiền 23.080.000 (hai mươi ba triệu, không trăm, tám mươi nghìn) đồng;

195. Bà Nguyễn Thị D195: 6.430.000 (sáu triệu, bốn trăm, ba mươi nghìn) đồng;

196. Chị Trương Thị Thu D196: 3.720.000 (ba triệu, bảy trăm, hai mươi nghìn) đồng;

197. Bà Hồ Thị D197: 8.590.000 đồng tiền hụi và 5.000.000 đồng tiền vay, tổng cộng là 13.590.000 (mười ba triệu, năm trăm, chín mươi nghìn) đồng;

198. Bà Nguyễn Thị D198: 10.300.000 (mười triệu, ba trăm nghìn) đồng;

199. Chị Nguyễn Thị D116 Thị: Ghi nhận chị D116 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 6.450.000 (sáu triệu, bốn trăm, năm mươi nghìn) đồng;

200. Bà Trần Thị D200: 6.650.000 (sáu triệu, sáu trăm, năm mươi nghìn) đồng;

201. Bà Phạm Thị D201: 13.890.000 (mười ba triệu, tám trăm, chín mươi nghìn) đồng;

202. Bà Nguyễn Thị Kim D202: 13.510.000 (mười ba triệu, năm trăm, mười nghìn) đồng;

203. Bà Mai Thị Kim D203: 5.860.000 (năm triệu, tám trăm, sáu mươi nghìn) đồng;

204. Chị Nguyễn Hồng D204: 21.410.000 (hai mươi một triệu, bốn trăm, mười nghìn) đồng;

205. Bà Phạm Thị D205: 7.040.000 (bảy triệu, không trăm, bốn mươi nghìn) đồng;

206. Anh Nguyễn Văn D206: 18.710.000 (mười tám triệu, bảy trăm, mười nghìn) đồng;

207. Trần Thị D207: 36.170.000 (ba mươi sáu triệu, một trăm, bảy mươi nghìn) đồng;

208. Bà Nguyễn Thị G7D208: 29.530.000 (hai mươi chín triệu, năm trăm, ba mươi nghìn) đồng;

209. Bà Nguyễn Thị Hồng D209: 8.300.000 (tám triệu, ba trăm nghìn) đồng, đã căn trừ xong, không yêu cầu gì thêm;

210. Chị Trần Thị Kim D210: 29.820.000 (hai mươi chín triệu, tám trăm, hai mươi nghìn) đồng;

211. Bà Đồng Thu D211: 4.110.000 (bốn triệu, một trăm, mười nghìn) đồng;

212. Bà Trần Thị D212: 7.900.000 (bảy triệu, chín trăm nghìn) đồng;

213. Bà Lê Kim D213: Ghi nhận bà D213 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 6.515.000 (sáu triệu, năm trăm, mười lăm nghìn) đồng;

214. Ông Võ Văn D214: 22.835.000 (hai mươi hai triệu, tám trăm, ba mươi lăm nghìn) đồng;

215. Bà Trần Thị Mai D215: 13.510.000 (mười ba triệu, năm trăm, mười nghìn) đồng;

216. Bà Đoàn Thị D216: 3.000.000 (ba triệu) đồng;

217. Bà Ngụy Thị D217: 5.860.000 (năm triệu, tám trăm, sáu mươi nghìn) đồng;

218. Chị Huỳnh Thị Ngọc D218: 16.780.000 (mười sáu triệu, bảy trăm, tám mươi nghìn) đồng;

219. Anh Trần Minh D219: 8.475.000 (tám triệu, bốn trăm, bảy mươi lăm nghìn) đồng;

220. Chị Nguyễn Thị D220: 5.860.000 (năm triệu, tám trăm, sáu mươi nghìn) đồng ;

221. Bà Nguyễn Thị D221: Ghi nhận bà D221 không yêu cầu bị cáo N bồi thường 8.910.000 (tám triệu, chín trăm, mười nghìn) đồng;

222. Bà Phạm Thị D222: 30.965.000 (ba mươi triệu, chín trăm, sáu mươi lăm nghìn) đồng;

223. Bà Huỳnh Thị D223: 1.200.000 (một triệu, hai trăm nghìn) đồng;

224. Bà Huỳnh Thị D224: 26.540.000 (hai mươi sáu triệu, năm trăm, bốn mươi nghìn) đồng;

225. Chị Phạm Thị D225: 13.510.000 (mười ba triệu, năm trăm, mười nghìn) đồng;

226. Bà Nguyễn Thị Thu D226: 36.480.000 (ba mươi sáu triệu, bốn trăm, tám mươi nghìn) đồng;

227. Chị Nguyễn Thị Cẩm D227: 4.000.000 (bốn triệu) đồng;

228. Bà Nguyễn Thị D228: 50.885.000 đồng, ghi nhận bị cáo N đã bồi thường 7.000.000 đồng, còn phải bồi thường 43.885.000 (bốn mươi ba triệu, tám trăm, tám mươi lăm nghìn) đồng;

229. Bà Nguyễn Thị D229 (sinh năm 1962): 5.640.000 (năm triệu, sáu trăm, bốn mươi nghìn) đồng;

230. Bà Nguyễn Thị D229 (sinh năm 1954): 7.400.000 (bảy triệu, bốn trăm nghìn) đồng;

231. Bà Lê Thị D231: 16.520.000 (mười sáu triệu, năm trăm, hai mươi nghìn) đồng;

232. Bà Nguyễn Thị D232: 2.420.000 (hai triệu, bốn trăm, hai mươi nghìn) đồng;

233. Bà Phạm Thị D233: 7.050.000 (bảy triệu, không trăm, năm mươi nghìn) đồng;

234. Ông Võ Văn D234: 6.025.000 (sáu triệu, không trăm, hai mươi lăm nghìn) đồng.

4. Tiếp tục duy trì Lệnh kê biên tài sản số: 01/L-VPĐT ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh đối với tài sản của vợ chồng bị cáo Nguyễn Thị N theo Biên bản kê biên ngày 05-02-2018 để bảo đảm việc thi hành án.

5. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

6. Về vật chứng: Căn cứ khoản 1 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tạm giữ 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số 850000 do UBND huyện Trảng Bàng cấp ngày 02/8/2011 đứng tên Trần Văn R và Nguyễn Thị N để bảo đảm thi hành án (hiện Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh đang giữ, theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21-5-2018).

7. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c, g khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Nguyễn Thị N phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 106.568.400 (một trăm linh sáu triệu, năm trăm, sáu mươi tám nghìn, bốn trăm) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

9. Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, báo cho các bên biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

Nơi nhận:

- Vụ 1 GĐKT. TANDTC;
- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSNDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VP. CQCSĐT CA tỉnh;
- Phòng PC47 CA tỉnh TN;
- Phòng PV 27 CA tỉnh Tây Ninh;
- Cục THADS tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án HSST.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Văn Triển

